



Phồn vinh cùng đất nước

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2012

ANNUAL REPORT

MỤC LỤC

Thông điệp của Ban lãnh đạo:	Trang 1
Thông tin tổng quát:	Trang 2
Báo cáo của Hội đồng quản trị:	Trang 20
Báo cáo của Ban Giám đốc:	Trang 24
Báo cáo của Ban kiểm soát:	Trang 40
Báo cáo tài chính:	Trang 43
Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị:	Trang 72

THÔNG ĐIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Kính thưa Quý vị,

Thay mặt Ban lãnh đạo VHG, chúng tôi chân thành cảm ơn sự gắn bó, thông cảm và ủng hộ của các Cổ đông, Nhà đầu tư thời gian qua.

Năm 2012 qua đi, để lại cho cộng đồng doanh nghiệp nhiều suy tư và hụt hẫng. Các doanh nghiệp tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề suy thoái kinh tế, sức tiêu thụ hàng hóa giảm mạnh, thị trường bất động sản suy giảm, lãi suất tiền vay cùng nhiều chi phí đầu vào không giảm, khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn và thị trường cạnh tranh gay gắt... Các yếu tố đó đã và đang bào mòn ý chí, nhiệt huyết và niềm tin của các doanh nghiệp trong các năm qua.

Năm qua, toàn thể nhân viên VHG đã kiên cường phấn đấu thực hiện mục tiêu với rất nhiều giải pháp để ứng phó với những khó khăn thách thức như: sắp xếp và tinh giảm lao động, quản trị chi phí chặt chẽ hiệu quả, tăng cường công tác thu hồi nợ và thúc đẩy vòng quay vốn lưu động, tạm ngưng việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư... Tuy nhiên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2012 đã không đáp ứng được sự kỳ vọng của các cổ đông. Chúng tôi xin gửi lời xin lỗi đến Quý vị cổ đông và kêu gọi sự ủng hộ sát cánh cùng Công ty trên con đường phát triển đặc biệt là trong bối cảnh khó khăn hiện nay.

Thưa Quý vị, bước sang năm 2013, tình hình kinh doanh của Công ty dự báo sẽ tiếp tục còn khó khăn do sức tiêu thụ hàng hóa chưa được cải thiện, tình trạng hàng tồn kho gia tăng, các chi phí đầu vào tiếp tục biến động khó lường. Nhưng bằng các hành động quyết liệt, cụ thể, VHG sẽ quyết tâm "thoát lỗ" để ổn định và phát triển trong thời gian đến:

- Tiếp tục thực hiện cấu trúc lại Công ty theo hướng tập trung vào các lĩnh vực chính, nâng cao hiệu quả đầu tư, thực hiện triệt để việc tiết kiệm, giảm giá thành, tăng cường công tác đào tạo, củng cố và phát triển nguồn nhân lực, phát triển văn hóa VHG;
- Tiếp tục thực hiện việc thanh lý các tài sản xấu như vật tư tồn kho, nhà xưởng trang thiết bị nhà máy cấp đồng, để thu hồi vốn đầu tư cho các nhà máy khác;
- Chuyển nhượng các dự án bất động sản, công nghiệp dịch vụ;
- Tập trung các nguồn lực phù hợp để phát triển dự án trồng cây cao su.
- Tăng cường công tác quản trị nội bộ để gia tăng hiệu quả: tinh giảm nhân sự, kiểm soát chặt chẽ chi phí, kế hoạch sản xuất kinh doanh linh hoạt theo sự biến động của thị trường, bảo toàn vốn, giảm thiểu chi phí tài chính, tăng cường công tác thu nợ.

Những khó khăn thách thức với các cung bậc thăng trầm đã được trải nghiệm trong suốt quá trình hình thành phát triển doanh nghiệp đặc biệt trong giai đoạn 2006-2012, chúng tôi đủ tự tin để tiếp tục chèo lái Công ty vượt qua khó khăn và phát triển theo định hướng đã lựa chọn. Sự đồng lòng tâm huyết của quý vị cổ đông và nhiệt huyết của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên VHG sẽ là sức mạnh giúp con thuyền VHG trụ vững, vượt qua khó khăn thách thức để chinh phục mục tiêu tối đa hóa giá trị Công ty, tối đa lợi ích của các cổ đông.

Trân trọng,



Đinh Công Trọng
Chủ tịch HĐQT



Huỳnh Tấn Chung
Tổng giám đốc

THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt Hàn
Tên tiếng Anh : Viet-Han Corporation
Địa chỉ : Lô 04, 05 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại : (84) 510 3946345
Fax : (84) 510 3946333
Email : trade@vhg.com.vn
Website : www.vhg.com.vn
Văn phòng Đà Nẵng : 01 Lê Duẩn, Tp.Đà Nẵng
Điện thoại : 84-511-3647666 Fax: 84-511-3647333

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Vốn điều lệ : 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
Mã chứng khoán : VHG
Sàn niêm yết : HOSE
Ngày bắt đầu niêm yết : 28/01/2008
Số lượng cổ phiếu : 25.000.000 cổ phiếu, trong đó:
Cổ phiếu đang lưu hành : 25.000.000 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Sản xuất cáp sợi quang
2. Sản xuất dây và cáp điện
3. Sản xuất ống nhựa luồng cáp viễn thông và dân dụng
4. Sản xuất các sản phẩm từ sợi thủy tinh
5. Sản xuất vật liệu xây dựng
6. Khai thác, chế biến quặng kim loại và khoáng sản phi kim loại
7. Đầu tư hạ tầng công nghiệp, khu đô thị, khu nghỉ dưỡng và kinh doanh bất động sản
8. Trồng và chế biến cao su

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Khởi nghiệp từ sản xuất cáp đồng cho ngành viễn thông vào năm 2005, VHG đã phát triển mạnh và chiếm trên 15% thị trường cáp đồng viễn thông Việt Nam năm 2007. Từ năm 2008, VHG đã mở rộng ngành nghề sang sản xuất ống nhựa luồng cáp viễn thông và dân dụng, sản xuất sản phẩm từ sợi thủy tinh, sản xuất vật liệu xây dựng, đầu tư trồng cây cao su và triển khai hoạt động đầu tư cụm công nghiệp, bất động sản ven biển.

- Năm 2003: Ngày 14/07/2003 Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn (VHG) được thành lập
- Năm 2004: Sản phẩm cáp đồng với thương hiệu VIET-HAN CABLE được OEM từ Hàn quốc có mặt tại thị trường Việt Nam.
- Năm 2005: Tháng 09/2005, xuất lô hàng cáp viễn thông đầu tiên
- Năm 2006: Sản xuất cáp viễn thông có dung lượng 2.400 đôi, trở thành nhà sản xuất cáp có dung lượng lớn nhất Việt Nam
- Năm 2007:

Nhà máy cáp viễn thông đạt công suất 3.000.000 km đôi/năm
Khánh thành giai đoạn 1 nhà máy dây và cáp điện (VPC)
Khánh thành nhà máy cáp quang (OFC)
Mua lại Công ty cổ phần nhựa Việt-Hàn, đầu tư NM sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh.
Indochina Capital trở thành nhà đầu tiên chiến lược và Vinacapital là cổ đông lớn của VHG
PhonVinh Corp và Handic hợp tác toàn diện với VHG
VNR-Top 500 Company xếp VHG nằm trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam

- Năm 2008

Tháng 01/2008: 28/01, cổ phiếu VHG thức giao dịch trên sàn HOSE
Tháng 03/2008: Khánh thành nhà máy sản xuất sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh FRP
Tháng 04/2008: Đầu tư nhà máy công nghệ vật liệu tại Quảng Nam (VMC)
Tháng 05/2008: Hoàn tất dự án đầu tư giai đoạn 2 cho Nhà máy VPC và VPF
Tháng 11/2008: Triển khai dự án trồng 4.115 ha cao su tại Quảng Nam
Tháng 12/2008: Sở hữu đất dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng
VNR-Top 500 Company tiếp tục xếp VHG nằm trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam

- Năm 2009

Tháng 05/2009: Khánh thành nhà máy sản xuất vật liệu (VMC) có công suất 80 triệu SP/năm
Tháng 10/2009: UBND Tp Đà Nẵng quyết định phê duyệt QH 1:500 cho dự án D'everlyn tower.
Tháng 11/2009: Sản xuất thành công sản phẩm FRP có đường kính trên 4m, dung tích 150m³

- Năm 2010

Tháng 02/2010: Thay đổi chiến lược phát triển của VHG một cách cơ bản, theo đó thống nhất xây dựng VHG phát triển xoay quanh trục ngành nghề với thứ tự ưu tiên là Bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - Trồng và chế biến cao su - Sản xuất vật liệu XD cơ bản - Đầu tư khai thác chế biến kim loại màu..
Tháng 06/2010: Nghiên cứu mở rộng thêm 9.000ha trồng cây cao su tại tỉnh Quảng Nam
Tháng 09/2010: Triển khai các hạng mục thí nghiệm để hoàn chỉnh TKKTTC và chuẩn bị cho việc khởi công cao ốc D'everlyn tại 09 Lê Duẩn Tp Đà Nẵng
Tháng 11/2010: chia tách nhà máy nhựa và sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh (VPF) thành hai nhà máy (1) Nhà máy vật liệu Composit VCC (2) Nhà máy ống nhựa VPP; nhằm tập trung cho sự phát triển chiều sâu của 2 dòng sản phẩm này.
Tháng 12/2010: Đầu tư vào dự án bất động sản nghỉ dưỡng khu vực biển Non nước (Đà Nẵng - Quảng Nam) với quy mô 5,2 ha

- Năm 2011

Tháng 1/2011: Hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng nhà máy composite.
Tháng 07/2011: VHG được cấp phép đầu tư mở rộng dự án trồng và chế biến cao su tại Đông Giang tỉnh Quảng Nam từ 4.115 ha lên 13.300 ha.
Tháng 08/2011: Công ty Quê Việt Quảng Nam – Công ty con của VHG được cấp phép đầu tư khu nghỉ dưỡng biển cao cấp tại khu vực Non Nước – Hội An trên diện tích 5,3 ha.

- Năm 2012

Tháng 06/2012: Thành viên Hiệp hội cao su Việt Nam

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ TRIẾT LÝ KINH DOANH

Tâm nhìn

Trở thành Công ty hoạt động đầu tư và sản xuất đa ngành hàng đầu tại khu vực miền Trung Việt Nam, với chiến lược phát triển tập trung vào các lĩnh vực theo thứ tự "bất động sản-hạ tầng, trồng cây cao su, sản xuất vật liệu xây dựng cơ bản"

Sứ mệnh

Khởi tạo với đam mê, đối diện trực tiếp với thử thách, hòa quyện nguồn nhân lực, công nghệ, tiềm năng để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo mang lại giá trị đích thực, "phồn vinh cùng đất nước"

Triết lý kinh doanh

Lấy khách hàng làm trung tâm cho sự đổi mới và sáng tạo - Lấy xã hội làm nền tảng cho sự phát triển - Lấy nhân viên là trụ cột cho đại gia đình VHG.

Nguyên tắc kinh doanh

Tuân thủ luật pháp và các chuẩn mực về đạo đức; Tôn trọng khách hàng, các cổ đông và nhân viên của mình; Duy trì bản sắc văn hóa tổ chức trong sạch; Quan tâm đến môi trường, sức khỏe và an toàn; Là một doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội

Triết lý thương hiệu

"Phồn vinh cùng đất nước": Luôn đột phá, đi đầu, tiên phong; Liên tục cải tiến; Quan tâm đến khách hàng như những cá thể riêng biệt; Làm việc và tư duy có tình cảm, hoạt động có trách nhiệm xã hội; Trung thực với khách hàng, chân thành với đồng nghiệp.

Giá trị cốt lõi

Giá trị cốt lõi của VHG là các giá trị bền vững làm nên thành công và quy định tính chất nổi trội của thương hiệu VHG, được hình thành qua những ngày tháng gian khổ đầu tiên của công ty, được xây dựng từ những kinh nghiệm và học hỏi, tôi luyện qua những thử thách trong suốt quá trình phát triển.

VHG cho rằng sống bằng các giá trị vững chắc chính là chìa khóa kinh doanh thành công. Tại VHG, một quy tắc ứng xử nghiêm chỉnh và những giá trị cốt lõi này là trọng tâm cho mọi quyết định của chúng tôi:

Đoàn kết

Tất cả mọi người đều quan trọng. Sức mạnh của VHG được tạo ra từ sự kết hợp, bổ sung giữa các cá nhân với năng lực và cá tính riêng biệt, giữa các đơn vị thành viên với các chiến lược phát triển và ưu thế khác nhau.

Sáng tạo

Mọi thứ chúng tôi làm tại VHG được chi phối bởi một niềm say mê xây dựng thành công vượt trội - và sự cố gắng không ngừng trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ.

Trung thực

Giá trị nền tảng quan trọng đối với mỗi nhân viên và lãnh đạo của VHG là sự trung thực và minh bạch: Rõ ràng minh bạch, tính đúng đắn trong quản lý kinh doanh, truyền thông, nhân viên, nhà nước...; Liêm chính trong quan hệ nội bộ và quan hệ với bên ngoài

Cùng thịnh vượng

Mọi người cùng làm việc sẽ đạt được thành quả cao hơn. VHG chỉ có thể được gọi là thành công khi có thể mang lại sự thịnh vượng và cơ hội cho người khác. VHG luôn phấn đấu là một công ty có trách nhiệm về mặt xã hội và môi trường

Giải pháp hành động

Tổ chức công ty mềm dẻo, linh hoạt như của một công ty nhỏ, có sức mạnh của một công ty lớn khi cần thiết; Thiết lập liên minh chiến lược trên cơ sở Win-Win; Tập trung và phải trở thành một công ty tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh đã lựa chọn; VHG nhất định phải được xây dựng và phát triển trên 3 trụ cột: Nhân sự - Công nghệ - Tài chính

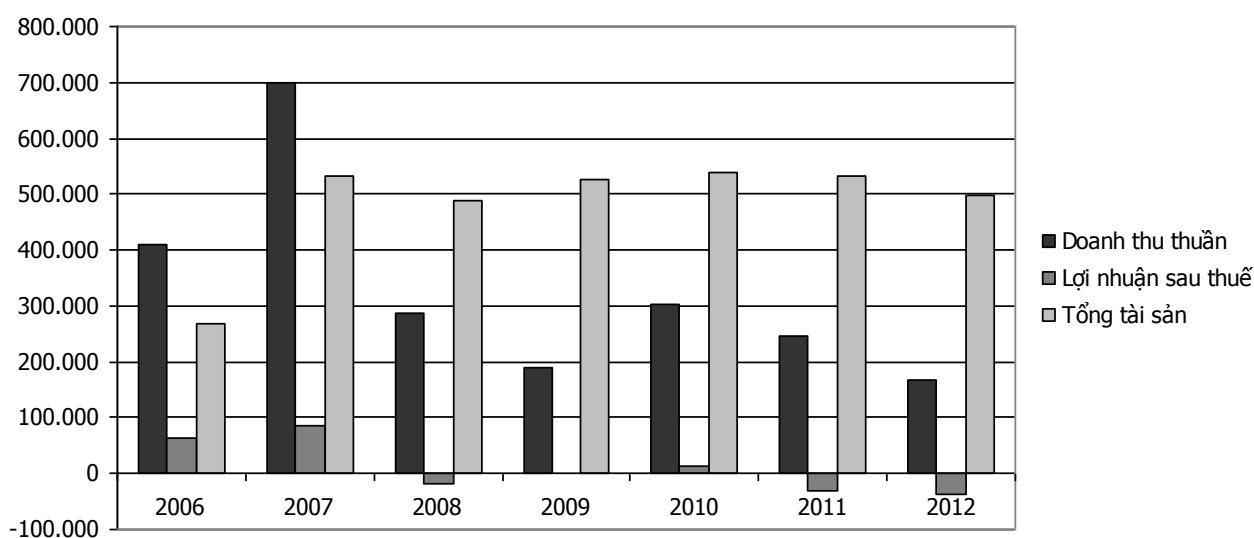
Mục tiêu hành động

Tăng trưởng dựa trên quy mô và nền tảng vững chắc; Không ngừng nâng cao hình ảnh thương hiệu; Xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp; Mở rộng mạng lưới phân phối sâu rộng.

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TỪ NĂM 2006-2012

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Doanh thu thuần	410.220	700.480	287.377	189.038	301.551	247.273	168.286
Lợi nhuận sau thuế	63.437	86.303	(17.418)	1.984	14.797	(30.570)	(36.082)
Tổng tài sản	267.950	531.990	486.971	527.591	539.869	533.912	499.047
Vốn điều lệ	40.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000
Vốn chủ sở hữu	84.086	514.12	439.297	438.164	453.384	395.043	358.960
Lãi cơ bản/cổ phiếu (đồng)	45.158	4.441	(697)	80	592	(1.223)	(1.443)

**CÁC THÀNH TỰU**

Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam khen tặng Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2007.



Giải thưởng chất lượng Quốc gia (2007, 2011) do Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam khen tặng

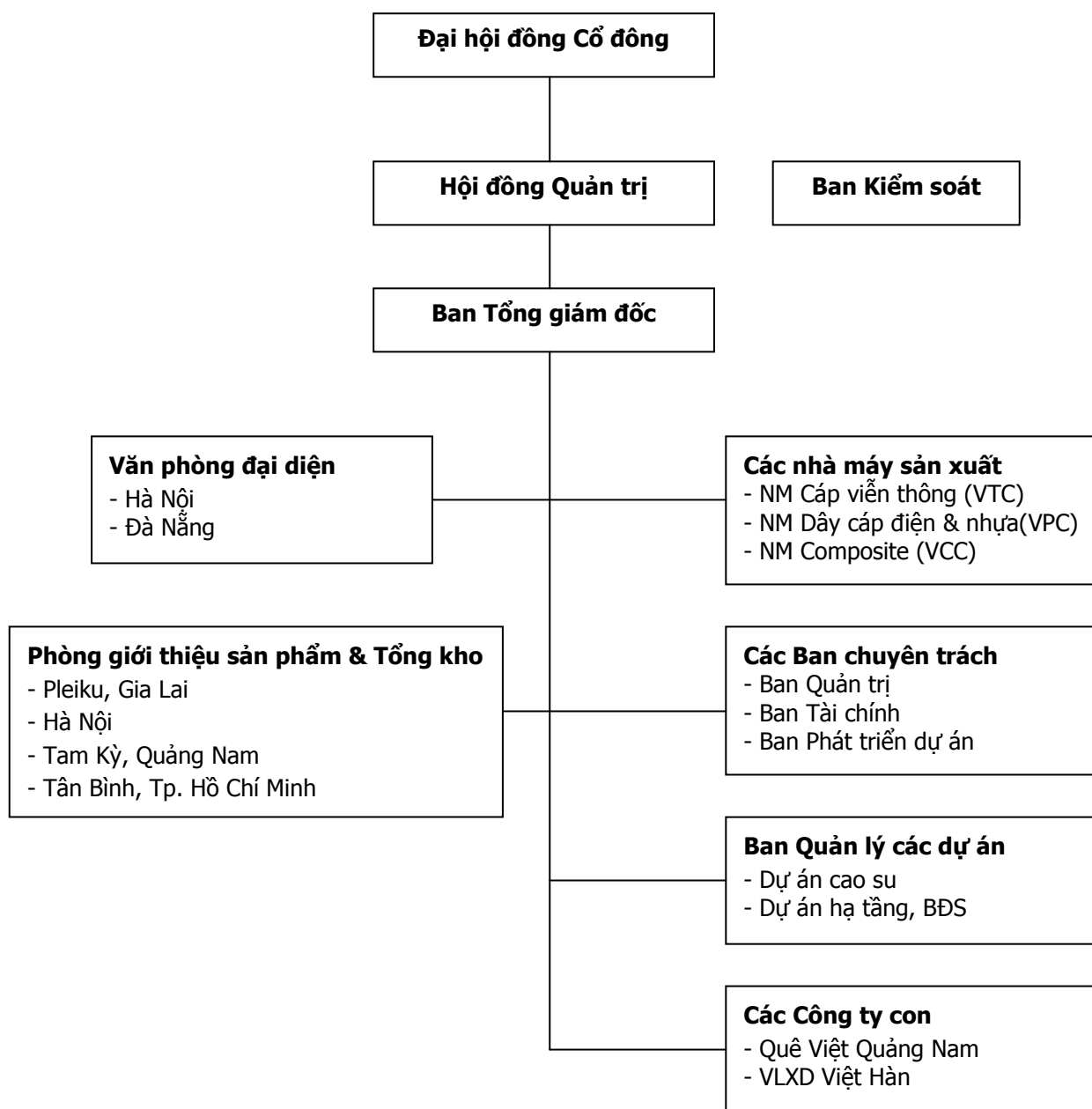
Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Vietnamnet công bố theo thống kê của Việt Nam Report (2007, 2008)



Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2006, 2007 top 100 thương hiệu Việt Nam do Ủy ban Quốc gia về hợp tác Kinh tế và Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam bình chọn.



CƠ CẤU TỔ CHỨC



CÔNG TY CON

Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam

Địa chỉ: thôn , Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
 Lĩnh vực SXKD: đầu tư dự án khu nghỉ dưỡng ven biển Non nước – D' Evelyn beach
 Số vốn góp của VHG: 65.000.000.000 đồng, Tỷ lệ vốn góp: 65%

Công ty CP Vật liệu Xây dựng Việt Hàn

Địa chỉ: thôn 1, xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam
 Lĩnh vực SXKD: sản xuất vật liệu xây dựng – xây lắp công trình
 Số vốn góp của VHG: 30.000.000.000 đồng, Tỷ lệ vốn góp: 98,3%

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Đinh Công Trạng (1963)

Chủ tịch HĐQT

Ông Trạng là một trong ba thành viên sáng lập VHG vào năm 2003, là người đề ra những mục tiêu và dẫn dắt VHG phát triển trong những năm qua. Ông Trạng là kỹ sư viễn thông, là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh.



Ông Huỳnh Tấn Chung (1974)

P.Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Là thành viên sáng lập, ông Chung đã cùng đồng nghiệp xây dựng hệ thống quản trị, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của VHG. Ông Chung là cử nhân QTKD, kỹ sư công nghệ Điện tử-viễn thông, là người điều hành doanh nghiệp xây lắp, sản xuất trước khi sáng lập ra VHG.



Bà Đinh Thị Thúy Hạnh (1973) - Ủy viên HĐQT

Bà Hạnh tốt nghiệp đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, đã tham gia quản lý điều hành các Công ty chuyên về thương mại và xuất nhập khẩu, có nhiều kinh nghiệm trong việc phát triển thị trường.



Ông Lê Kông Minh (1977) - Ủy viên HĐQT

Ông Minh là chuyên gia trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, đã kinh qua vị trí Giám đốc chuyên môn của VHG. Ông Minh là cử nhân kinh tế ngoại thương và tham gia nhiều khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cao cấp



Ông Phạm Hữu Xuân - Ủy viên HĐQT

Ông Xuân là cử nhân kinh tế có hơn 40 kinh nghiệm quản lý, Nguyên là Tổng giám đốc HACISCO Hà Nội



Ông Nguyễn Đông (1973) - P.Tổng giám đốc kiêm Giám đốc nhà máy VPC

Ông Đông là người kiến tạo năng lực tài chính, quản trị và phát triển nguồn lực cho VHG. Ông Đông tốt nghiệp ĐH Kinh tế Đà Nẵng



Bà Nguyễn Thị Thu Thảo (1981) - Kế toán trưởng

Bà Thảo tốt nghiệp Đại học Kinh tế Đà Nẵng chuyên ngành Tài chính, là người đã giữ vị trí kế toán trưởng từ những ngày đầu thành lập VHG.



Ông Quảng Bá Hải (1973) - Giám đốc Quản trị kiêm Giám đốc nhà máy VMC

Ông Hải là chuyên gia quản trị tổ chức, cộng tác từ ngày đầu thành lập VHG với các vị trí Giám đốc kinh doanh, Giám đốc nhân sự. Ông Hải tốt nghiệp cử nhân kinh tế và cử nhân luật



Ông Nguyễn Tiến Trung (1974) – Giám đốc Đầu tư kiêm Giám đốc dự án VRC

Ông Trung là chuyên gia trong lĩnh vực đầu tư, phát triển dự án, kinh doanh sản phẩm công nghiệp, có trên 15 năm kinh nghiệm. Ông Trung tốt nghiệp cử nhân công nghệ thông tin và khoa học ngoại ngữ.



Ông Ngô Hữu Phú (1973) - Giám đốc nhà máy VTC

Ông Phú là chuyên gia quản lý sản xuất tại các nhà máy công nghiệp khu vực miền Trung, đã qua kinh nghiệm quản lý điều hành các nhà máy sản xuất. Ông Phú là kỹ sư điện động lực



Ông Phan Ngọc Đồng (1975) - Giám đốc nhà máy VCC

Ông Đồng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Điện tử Viễn Thông, nhiều năm kinh nghiệm ở vị trí Giám đốc Kỹ Thuật của VHG.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Ông Doãn Văn Thụy (1972) - Trưởng ban

Ông tốt chuyên ngành kế toán Đại học kinh tế Đà Nẵng, hiện đang là Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xây lắp Điện Quảng Nam.



Ông Phạm Ngọc Hiệp (1971) - Ủy viên

Ông là chuyên gia công nghệ thông tin và kiểm toán. Nguyên phó phòng Kiểm toán nội bộ Bưu điện Quảng Nam, hiện tại là Kế toán trưởng Viễn thông Quảng Nam



Ông Nguyễn Đình Quyết (1979) - Ủy viên

Ông là cử nhân luật, hiện tại đang phụ trách khối hành chính quản trị của VHG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Lấy con người làm yếu tố cốt lõi. Tập trung phát triển lĩnh vực Sản xuất vật liệu xây dựng công nghiệp – Đầu tư trồng cây cao su – Phát triển các dự án hạ tầng và bất động sản du lịch; Nhảy bôn và linh hoạt trong quản trị chiến lược để thích ứng với môi trường kinh doanh nhằm duy trì sự phát triển tăng trưởng nhanh, liên tục và ổn định; Kinh doanh định hướng khách hàng. Thực hiện quy trình quản lý và sản xuất theo các Tiêu chuẩn ISO.

CÁC RỦI RO

Các sản phẩm cáp sợi quang, dây và cáp điện các loại, sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh, gạch ngói nung và không nung, ống nhựa cứng luồn cáp viễn thông và ống nhựa cứng uPVC phải cạnh tranh khốc liệt với đa phần các nhà sản xuất trong nước và một ít (cáp quang) với doanh nghiệp ngoài nước. Do đó, để các sản phẩm thuộc thương hiệu VIET-HAN được ưa chuộng, VHG phải nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, chính sách bán hàng và độ phủ của thị trường.

Rủi ro về kinh tế

Các chỉ tiêu về tăng trưởng GDP, biến động lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... mang tính chất hệ thống này tác động mạnh đến mọi chủ thể tham gia vào nền kinh tế, trong đó có VHG. Đặc biệt do sản phẩm chính của VHG đa phần phục vụ cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng, các dự án lớn của doanh nghiệp và chính phủ, do vậy khi kinh tế vĩ mô biến động tiêu cực sẽ ảnh hưởng ngay đến việc phát triển của Công ty. Việc liên tục tăng chi phí đầu vào (điện nước, xăng dầu...), lãi suất ngân hàng ở mức cao trong các năm qua và dự kiến trong thời gian đến đã ảnh hưởng nặng nề cạnh tranh. Một lượng lớn vật tư phải nhập khẩu do trong nước chưa sản xuất được, do vậy thay đổi về tỷ giá cũng là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Bên cạnh đó, các dự án trung và dài hạn của VHG: bất động sản nghỉ dưỡng ven biển, trồng cây cao su bị tác động rõ rệt nhất về thị trường khi nền kinh tế trong và ngoài nước thay đổi.

Rủi ro về chính sách và luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động đa ngành, lĩnh vực đầu tư ngắn hạn, dài hạn, doanh nghiệp đại chúng phải minh bạch trên thị trường... Tuy nhiên, với chính sách vĩ mô thiếu nhất quán, luôn thay đổi; hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, chưa đồng bộ và chưa hòa nhập với hệ thống luật và thông lệ quốc tế nên ảnh hưởng tiêu cực đến định hướng chiến lược phát triển chung. Việc nắm bắt kịp thời sự thay đổi của các chính sách và của hệ thống luật sẽ gây nhiều ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Số liệu tính đến ngày 05/04/2013)

Cổ đông sáng lập

	Số lượng cổ phiếu	%
Đình Công Trạng	3.473.844	13,90
Huỳnh Tấn Chung	3.069.383	12,28
Lê Thị Kim Ánh	5	-
Trương Thị Thanh Hương	-	-
Đình Văn Chính	380.697	1,52
Tổng cộng	6.923.929	27,70

Các loại cổ phiếu

	Số lượng	Mệnh giá	Quyền biểu quyết
Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	10.000	1:1
Cổ phiếu ưu đãi	-	10.000	1:1
Cổ phiếu quỹ	-	10.000	1:0
Tổng cộng	25.000.000		

Cơ cấu sở hữu

		Số cổ đông	%	Tổng số cổ phiếu	%
1	- 1.000	747	48,70	368.643	1,47
1.001	- 10.000	611	39,83	1.706.525	6,83
10.001	- 50.000	94	6,13	2.105.039	8,42
50.001	- 100.000	32	2,09	2.481.580	9,93
100.001	- 1.000.000	47	3,06	10.748.136	42,99
> 1.000.000		3	0,20	7.590.077	30,36
Tổng cộng		1.534	100,00	25.000.000	100,00

Cơ cấu cổ đông

	Số cổ đông	%	Tổng số cổ phiếu	%
Hội đồng quản trị, Ban TGD, kế toán trưởng, Ban KS, nhân viên VHG	9	0,59	6.780.349	27,12
Cá nhân	1.511	98,50	16.867.292	67,47
Tổ chức	14	0,91	1.352.359	5,41
Tổng cộng	1.534	100,00	25.000.000	100,00

Sở hữu theo địa lý

	Số cổ đông	Tỷ lệ cổ đông	Tổng số cổ phiếu	Tỷ lệ cổ phiếu
Việt Nam:	1.503	97,98	24.946.430	99,79
Cá nhân	1.491	97,20	23.619.981	94,48
Tổ chức	12	0,78	1.326.449	5,31
Nước ngoài:	31	2,02	53.570	0,21
Cá nhân	29	1,89	27.660	0,11
Tổ chức	2	0,13	25.910	0,10
Tổng cộng	1.534	100,00	25.000.000	100

Cổ đông nắm giữ trên 5% sở hữu

Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1 Đĩnh Công Trọng	P123 Khu CH Pacific Place – 83B Lý Thường Kiệt – Hoàn Kiếm – Hà Nội	3.473.844	13,90
2 Huỳnh Tấn Chung	158 Bạch Đằng – Đà Nẵng	3.069.383	12,28
		6.545.239	26,18

Sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT

Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1 Đinh Công Trạng	R123 Pacific Place 83B Lý Thường Kiệt - Hà Nội	3.473.844	13,90
2 Huỳnh Tấn Chung	158 Bạch Đằng - Đà Nẵng	3.069.383	12,28
3 Đinh Thị Thúy Hạnh	59 Lương Ngọc Quyến Hoàn Kiếm - Hà Nội	54.587	0,22
4 Phạm Hữu Xuân	08 Nguyễn Văn Ngọc - Hà Nội	-	-
5 Lê Kông Minh	34 Phan Bội Châu - Đà Nẵng	-	-
Tổng cộng		6.597.814	26,39%

Sở hữu cổ phần của các thành viên Ban kiểm soát

Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1 Phạm Ngọc Hiệp	K69/16 Bùi Thị Xuân Sơn Trà - Đà Nẵng	25.000	0,10
2 Doãn Văn Thụy	Khối phố 3 - P. An Phú Tam Kỳ - Quảng Nam	2.000	0,01
3 Nguyễn Đình Quyết	Tổ 28 P. Khuê Mỹ - Đà Nẵng	-	-
Tổng cộng		27.000	0,11

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Giám đốc

Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1 Huỳnh Tấn Chung	158 Bạch Đằng - Đà Nẵng	3.069.383	12,28
2 Nguyễn Đông	Hòa Phước - Hòa Vang Đà Nẵng	72.762	0,29
3 Nguyễn Thị Thu Thảo	33 Nguyễn Dữ - Đà Nẵng	10.007	0,04
4 Nguyễn Tiến Trung	44 Nguyễn Du - Đà Nẵng	72.762	0,29
5 Phan Ngọc Đồng	24 Thân Cảnh Phúc - Đà Nẵng	4	-
Tổng cộng		3.224.918	12,90

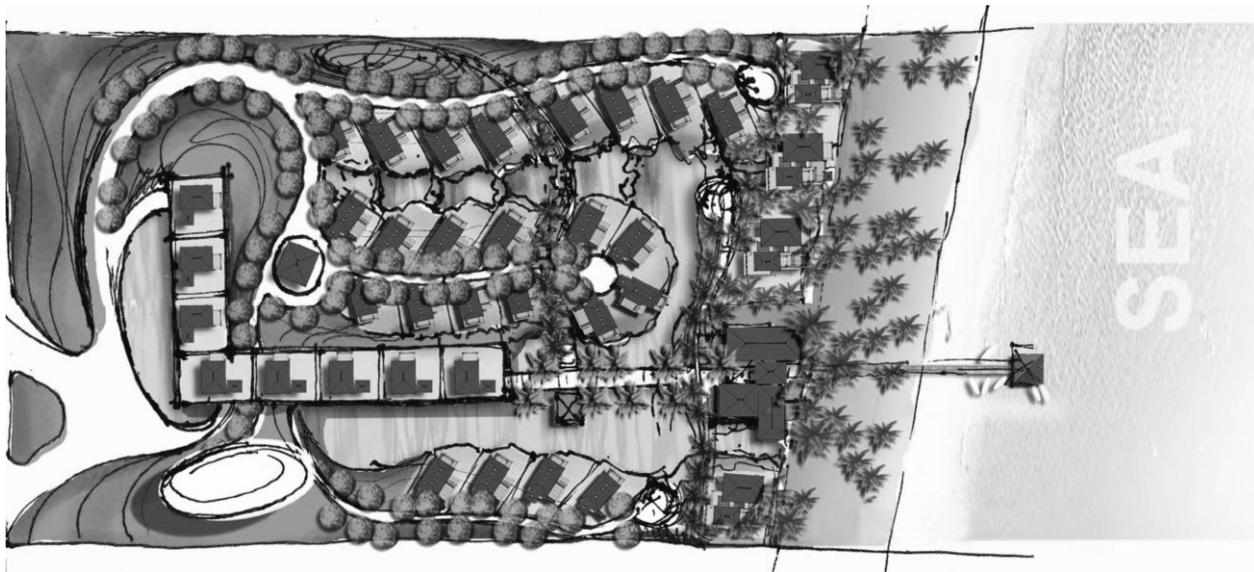
Dự án: DEVELYN TOWER

D'EVELYN TOWER

Vươn mình kiêu hãnh ngay giữa trung tâm Đà Nẵng, D' Evelyn 53 tầng được thiết kế ấn tượng, hòa quyền cùng dòng sông Hàn thơ mộng sẽ là nơi hội tụ đầy đủ những tiêu chuẩn cho một cuộc sống tiện nghi... Hãy khám phá và tận hưởng cuộc sống bất tận cùng D' Evelyn.

- Địa điểm : 09 Lê Duẩn - phường Hải Châu 1- quận Hải Châu - thành phố Đà Nẵng
- Quy mô : 33 tầng và 2 tầng hầm, 72.000 m² sàn
- Tư vấn thiết kế : Liên doanh AWP – ABBO (Singapore)

Dự án: QUÊ VIỆT



- Địa điểm : Điện Ngọc – Quảng Nam
- Quy mô : 53.000 m²
- Tư vấn thiết kế : Senerity (Hà Lan)



Dự án: CAO SU ĐÔNG GIANG



- Quy mô : Giai đoạn 1: 4.115 ha, giai đoạn 2: 9.100ha
- Thời gian kiến thiết : 2009 - 2016.

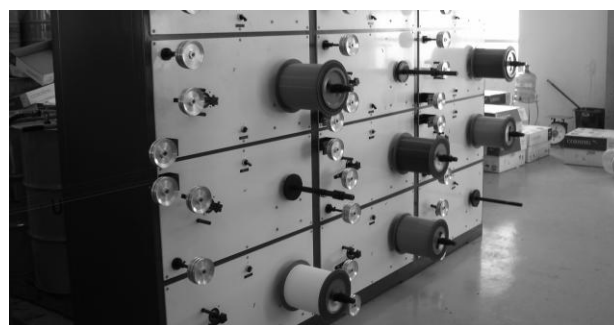


NHÀ MÁY CÁP QUANG



- Diện tích : 10.000m²
- Năng lực sản xuất : 300.000 Km sợi/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



NHÀ MÁY DÂY VÀ CÁP ĐIỆN



- Diện tích : 25.000m²
- Năng lực sản xuất : 10.000 tấn sản phẩm/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất

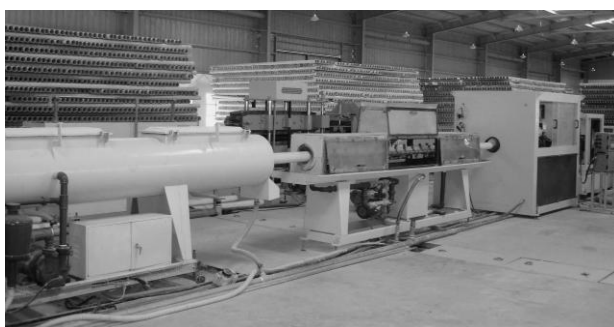


NHÀ MÁY NHỰA



- Diện tích : 10.000m²
- Năng lực sản xuất : 16.000 tấn sản phẩm/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



NHÀ MÁY COMPOSITE

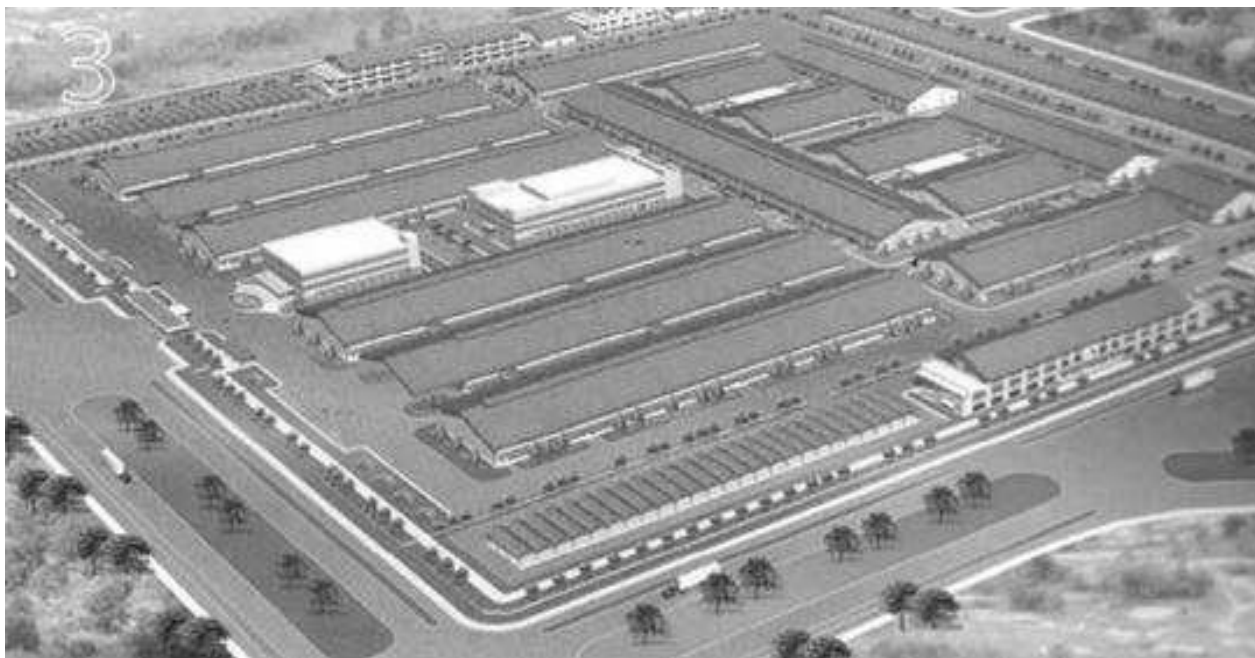


- Diện tích : 10.000m²
- Năng lực sản xuất : 16.000 tấn sản phẩm/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU



- Diện tích : 18 ha
- Năng lực sản xuất : 80 triệu sản phẩm/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa các Quý vị Cổ đông,

Cá nhân tôi và toàn thể Hội Đồng Quản trị Công ty có lời xin lỗi chân thành đến tất cả Quý Cổ đông về kết quả kinh doanh thua lỗ nặng nề hai năm liên tiếp. Chúng tôi đã không hoàn thành nhiệm vụ định hướng đúng đắn, kịp thời trước biến động của kinh tế, thiếu nhạy bén trong giám sát và cương quyết trong điều chỉnh Ban lãnh đạo dẫn đến liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ của ĐHCĐ. Chúng tôi đã học được bài học đắt giá và tích lũy được kinh nghiệm trong kết quả thất bại này để quyết định việc cải tổ sâu sắc Công ty ngay từ những ngày đầu năm 2013. Một lần nữa xin các Cổ đông chấp nhận lời xin lỗi và quyết tâm của chúng tôi.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2012

Hoạt động Kinh doanh và Đầu tư

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2012

Tất cả các chỉ tiêu SXKD cho năm 2012 đều thực hiện kém, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đã âm hơn 36 tỷ. Kết quả này đã để lại hậu quả làm suy giảm năng lực sản xuất, giảm mạng lưới phân phối và lâm vào tình hình tài chính khó khăn do mất vốn.

Kết quả đầu tư

- Đầu tư thiết bị dây chuyền sản xuất: chưa đáp ứng được yêu cầu cạnh tranh để gia tăng doanh số và lợi nhuận;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản: chưa bán được tài sản theo nghị quyết ĐHCĐ để tạo nguồn vốn và tăng hiệu quả sử dụng vốn;
- Đầu tư tài chính: kết quả còn rất hạn chế

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính, phân chia lợi nhuận năm 2012

- Các chỉ tiêu tài chính đều không đạt;
- Phân chia lợi nhuận lũy kế liên tiếp hai năm đạt âm hơn 66 tỷ đồng;
- Hậu quả hiện nay là Cổ phiếu của Công ty thuộc diện kiểm soát, gây thiệt hại lớn cho các Cổ đông và khó khăn cho Công ty trong khả năng huy động vốn từ kênh chứng khoán trong trung và dài hạn;
- Công ty đã mất lượng vốn tiền mặt rất lớn dẫn đến khó khăn chồng chất cho các năm sau, đánh giá của Ngân hàng, các tổ chức cho vay đều giảm mức tín nhiệm và giá trị uy tín dẫn đến việc vay mượn ngày càng khó khăn.

Công tác lãnh đạo quản lý và điều hành

- Trong năm công tác HĐQT đã giao, phân quyền chủ động kinh doanh cho TGD và các GD các nhà máy, dự án theo chỉ tiêu, mục tiêu cụ thể;
- Các nhà máy, dự án đã giữ vững được sản xuất, nỗ lực cố gắng theo đuổi để hoàn thành các mục tiêu của HĐQT trong hoàn cảnh khó khăn;
- Công ty tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng. Tình hình nộp nhân sách nhà nước về thuế, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện cơ bản đúng theo quy định;
- Tuy nhiên công tác điều hành của Ban lãnh đạo còn chưa sâu sát thực tế, phản ứng chậm trước các diễn biến của thị trường và Công ty. Ngoài các nguyên nhân sụt giảm thị trường do kinh tế suy thoái, các nguyên nhân chủ quan khác dẫn đến thua lỗ: nhà máy Cáp quang chưa làm chủ được kỹ thuật của sản phẩm mới. Nhà máy công nghệ vật liệu chưa chuẩn bị tốt về nguồn nguyên liệu phải dừng sản xuất trong thời gian dài. Nhà máy Cáp điện định hướng sai dòng sản phẩm chống cháy

cao cấp và khả năng cạnh tranh kém, làm thị trường kém, thu hồi công nợ không đạt. Dự án cao su không kiểm soát chặt chẽ, có lợi lỏng trong chăm sóc dẫn đến một số diện tích bị chết, cây phát triển kém;

- Do thua lỗ mất vốn lớn (36 tỷ) dẫn đến thiếu hụt vốn kinh doanh lưu động càng làm khó khăn và chi phí tài chính tăng cao cho các nhà máy đẩy con số thua lỗ cao hơn;
- Các GD nhà máy dự án mất khí thế do khó khăn nhiều mặt và thua lỗ, Ban lãnh đạo chưa bổ sung kịp đội ngũ kế cận thay thế, chưa tìm được người giỏi để bổ sung cho người lãnh đạo yếu.

Các tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

- Quá tải cho TGD: chúng ta là công ty đa ngành nghề, hoạt động quy mô lớn, trên diện rộng trong việc phải kiểm soát chặt chẽ 5 nhà máy và 3 dự án BĐS, 1 dự án trồng cao su... hiện đang là gánh nặng cho thời gian của TGD mà ngoài chuyên môn tại Công ty còn phải tham gia các hoạt động khác của địa phương;
- Thị trường: đối với các ngành nghề của Công ty chủ yếu cung ứng cho các dự án khách hàng lớn có trụ sở tại Hà nội và TP.Hồ chí Minh, trong khi Công ty lại ở Miền trung cho nên việc tiếp cận thông tin và chăm sóc khách hàng dự án có phần chậm trễ và không sâu sát dẫn đến không đủ đơn hàng cho các nhà máy hoạt động, sức cạnh tranh kém;
- Thiếu chuyên môn: Các GD đa phần không có chuyên môn sâu và kinh nghiệm về lĩnh vực mình phụ trách mà chủ yếu thiên về khả năng quản lý, quản trị. Ngoài ra các nhà máy dự án cũng thiếu vắng các chuyên gia giỏi trong lĩnh vực của mình;
- Hạn chế nguồn nhân sự cao cấp: nhân sự cao cấp như GD, quản lý dự án chủ yếu điều chuyển xoay quanh các nhân sự cũ từ thời Công ty mới thành lập, không có nguồn nhân sự giỏi hơn, không có đội ngũ kế cận và thu nạp thêm các chuyên gia giỏi trong lĩnh vực SXKD. Công ty không có thay đổi lớn và quan trọng nào về nhân sự cao cấp;
- Thiếu nhiệt huyết: một số lãnh đạo các nhà máy đã mệt mỏi sau nhiều năm công tác với kết quả chưa thành công nên có biểu hiện mệt mỏi, thiếu tính quyết liệt và năng nổ, muốn nghỉ ngơi và cần thay thế;
- Mất vốn: việc để Công ty thua lỗ liên tiếp nặng nề đã dẫn đến tình hình tài chính Công ty trở nên khó khăn, chi phí tài chính tăng cao không ngừng, làm mất đi lợi nhuận của các nhà máy, chậm trễ cho các đơn hàng vì thiếu vốn lưu động, mất lợi thế cạnh tranh đấu thầu, mua nguyên liệu, ... làm cho tình hình SXKD của Công ty càng khó khăn hơn trong bối cảnh khó khăn chung. Để lại gánh nặng ngày càng sâu sắc cho các năm sau.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ KINH DOANH NĂM 2013

Kế hoạch SXKD và Đầu tư

Căn cứ và mục tiêu kế hoạch 2013

Kế hoạch năm 2013 của Công ty được xây dựng phù hợp với định hướng, dựa trên tình hình thị trường, nguồn lực của Công ty và kết quả của việc tái cơ cấu mạnh mẽ mà chủ yếu nhằm vào con người. Có thể chỉ ra các việc cụ thể như sau:

Khởi sản xuất:

- Tiếp nhận mô hình mới; Cải tổ bộ máy, ban lãnh đạo mới; Làm mới thị trường đầu ra đẩy mạnh sức bán hàng; Tăng cao năng lực cạnh tranh, giảm giá thành, nâng chất lượng sản phẩm, đưa ra sản phẩm mới trên cơ sở hiện có.

Dự án cao su:

Hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng, xác lập quyền sử dụng đất đến 2.000 ha đất; Trồng mới 1.000 ha; Chăm sóc diện tích đã trồng từ các năm trước, trồng lại các diện tích bị tổn thất

Dự án bất động sản:

- Dừng đầu tư các dự án bất động sản;
- Chuyển trả và thu hồi vốn dự án cụm công nghiệp dịch vụ An lưu theo yêu cầu của địa phương;

- Chuyển nhượng dự án D'evelyn tower với mức giá hợp lý theo thị trường (có thể chấp nhận thấp hơn giá vốn)
- Giải quyết thanh lý các dự án hợp tác với Handic, Hascico... không tham gia thêm các dự án nào khác.

Các dự án, hoạt động khác:

- Không triển khai các dự án mới
- Thu hồi, thanh lý các dự án đã triển khai trước đây
- Tách riêng bộ phận thương mại đang hoạt động tại các nhà máy về một mối, tăng hiệu quả phục vụ mua sắm nguyên liệu cho các nhà máy, mở rộng phạm vi hoạt động tăng nguồn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Các chỉ tiêu và kế hoạch cụ thể

Doanh thu: 410 tỷ; Lợi nhuận trước thuế: 15 tỷ

Kế hoạch đầu tư và nhu cầu vốn trong năm

Đầu tư thiết bị, dây chuyền sản xuất:

- Đầu tư bổ sung thiết bị cho nhà máy Nhựa để hoàn thành đúng tiến độ các hợp đồng đã ký;
- Đầu tư thiết bị nếu cần thiết cho nhà máy FRP để phục vụ hợp đồng sẽ ký;
- Đầu tư thiết bị máy đo cho nhà máy cấp quang để tăng cường năng lực kỹ thuật;
- Bán bớt, thanh lý các vật tư, thiết bị không cần thiết từ các nhà máy

Đầu tư bất động sản:

Chuyển vốn đầu tư cho Công ty con Quê Việt-Quảng Namm để hoàn thiện thủ tục cấp phép xây dựng theo cam kết đầu tư với địa phương; cần nhắc thời điểm triển khai xây dựng phù hợp với thị trường.

Đầu tư tài chính:

- Cơ cấu lại vốn của Công ty khi thực hiện cải tổ theo mô hình Công ty con độc lập cho các nhà máy, đảm bảo vốn của Công ty >51%
- Căn cứ vào tình hình thị trường HĐQT sẽ có hành động thích hợp để bảo toàn giá trị cổ phiếu của Công ty.

Các đầu tư khác:

- Không triển khai các đầu tư lớn nào trong năm
- Thu xếp đủ nguồn vốn cho các nhà máy, bộ phận thương mại hoạt động liên tục thông suốt.

Nhu cầu về vốn trong năm:

- Cân đối nhu cầu vốn thông qua bán bớt tài sản để hạn chế tối đa vay nợ Ngân hàng
- Có thể huy động vốn qua liên doanh liên kết hay thị trường Chứng khoán khi có điều kiện.

Mục tiêu và các biện pháp thực hiện

Mục tiêu:

- Xây dựng VHG là Công ty đầu tư đa ngành gồm nhiều các Công ty con chuyên ngành
- Việc chuyển biến mô hình các nhà máy thành Công ty con độc lập nhằm tăng sức cạnh tranh và tự chủ, nâng cao hiệu quả SXKD để các Công ty con có lãi và Công ty mẹ có lãi.
- Các Công ty con có điều kiện huy động vốn linh hoạt hơn, có thể liên doanh liên kết để nâng cao chuyên môn và lợi thế kinh doanh.
- Nâng cao, phục hồi giá trị Công ty, xây dựng VHG thành thương hiệu mạnh

Biện pháp tổ chức thực hiện:

- Cải tổ mạnh mẽ HĐQT của Công ty sẽ bao gồm và tăng cường những người mới có đóng góp nhiều hơn cho Công ty, dành nhiều thời gian và phụ trách, chịu trách nhiệm hỗ trợ từng ngành cụ thể của Công ty. Thành viên HĐQT có thể thay 2 người mới.
- Thay đổi sâu sắc Ban lãnh đạo Công ty, các TGD, GD các Công ty con bởi những con người mới có trình độ, nhiệt huyết dám làm và chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả kinh doanh của Công ty.

Phát động và huy động toàn bộ lực lượng nhân sự trong công ty để giảm chi phí, tăng năng suất và hiệu quả SXKD đảm bảo có lãi để bù đắp cho các năm thua lỗ vừa qua.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

Chiến lược phát triển SXKD

- VHG sẽ trở thành Công ty đầu tư vào đa ngành nghề thông qua các Công ty độc lập chuyên ngành.
- Linh hoạt trong đầu tư các chuyên ngành có hiệu quả cao
- Trong trung hạn (2 năm) tập trung đầu tư vào ngành nghề đang là thế mạnh của Công ty như Nhựa viễn thông, FRP, Cáp quang, trồng cây cao su
- Về dài hạn chuyển trọng tâm sang Trồng và chế biến cao su, Sản xuất Công nghiệp và BĐS nghỉ dưỡng ven biển.

Chiến lược phát triển các nguồn lực

Nguồn vốn

- Kiên quyết bảo toàn nguồn vốn của Công ty trong thu hồi công nợ, sử dụng hợp lý và hiệu quả. Thanh lý để thu hồi vốn
- Tìm tòi và tiếp cận các nguồn vốn vay rẻ cho các dự án được ưu tiên của Công ty.
- Tranh thủ huy động vốn từ thị trường chứng khoán khi có điều kiện thuận lợi
- Tăng cường nguồn vốn từ khấu hao và lợi nhuận của Công ty
- Tiết kiệm tối đa trong chi tiêu và hoạt động SXKD

Nguồn nhân lực

- Có chính sách mạnh dạn thay đổi và thu hút nguồn lãnh đạo cao cấp có trình độ và năng lực
- Có chính sách bắt buộc đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế cận
- Có cơ chế thưởng phạt, cam kết và chịu trách nhiệm cá nhân trước Công ty về kết quả SXKD của các GD.

Các nguồn lực khác

- Tăng cường quan hệ với đối tác bạn hàng quan trọng để tận dụng các cơ hội kinh doanh.
- Xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo và hiệu quả. Xây dựng thương hiệu Việt hàn vững mạnh trên thị trường, lấy lại vị thế Công ty là công ty chủ chốt ở Miền Trung.

Thay mặt HĐQT

Đình Công Trạng/ Chủ tịch

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Những đặc điểm của môi trường kinh doanh

Năm 2012 là năm đầy sóng gió của nền kinh tế Việt Nam, tốc độ tăng trưởng chậm, lạm phát được kiềm chế nhưng thị trường sản xuất đình trệ vì thiếu vốn, hàng tồn kho tăng cao, thị trường tài chính chứng khoán âm ảm đạm và thị trường bất động sản thì gần như đóng băng.... Cũng như các doanh nghiệp khác, trong năm qua, VHG đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thử thách để vượt qua khủng hoảng và tiếp tục phát triển.

Mặc dù đã lượng hóa được những khó khăn từ năm 2011 và tính toán kỹ khi đặt mục tiêu kinh doanh năm 2012 nhưng những khó khăn mà VHG gặp phải cũng không tiên lượng hết được. Đây là một năm vô cùng khó khăn, hàng loạt các Công ty lâm vào cảnh phá sản nhanh chóng, kinh tế trì trệ, đặc biệt là với ngành công nghiệp vật liệu xây dựng cơ bản như VHG đang kinh doanh. Chính vì vậy, hàng loạt các kế hoạch đặc ra đều không thực hiện được, đặc biệt là thanh lý và chuyển nhượng dự án để cân đối tài chính, giảm chi phí tài chính....

Những thuận lợi:

Khối sản xuất VHG được đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến, kiểm soát chặt chẽ chất lượng và luôn kiên định, nhất quán theo đuổi mục tiêu chất lượng, duy trì và phát triển hệ thống sản phẩm, dịch vụ mới hướng đến khách hàng;

Đã xây dựng được thương hiệu một số ngành hàng, đã được khách hàng lớn sử dụng qua nhiều năm;

Nguồn nhân lực trẻ, nhiệt huyết và có tay nghề;

HĐQT, Ban Tổng giám đốc có quyết tâm cải tiến hoàn thiện hệ thống quản lý và điều hành.

Những khó khăn:

Các dự án trung và dài hạn của VHG đang nằm trong giai đoạn mới bắt đầu triển khai, kinh tế trong nước tăng trưởng chậm lại, thay đổi chính sách về đất, tài nguyên, môi trường, đền bù, tín dụng và tâm lý thị trường... đã ảnh hưởng mạnh đến tiến độ triển khai các dự án, đặc biệt là tiến độ thu hồi đất triển khai dự án cao su và dự án bất động sản;

Thị trường tiêu thụ sản phẩm thu hẹp, làm giảm sản lượng sản xuất, làm tăng giá thành do không đạt sản lượng tối ưu;

Tính cạnh tranh trên thị trường ngày càng quyết liệt, đặc biệt về giá, mẫu mã và chất lượng, đòi hỏi phải thay đổi về công nghệ, hạ giá thành sản xuất;

Năng lực hạ tầng khu công nghiệp đặt các nhà máy sản xuất còn hạn chế: điện, giao thông, lao động... dẫn đến rủi ro và gia tăng chi phí;

Tỷ suất lợi nhuận giảm dần do giá bán không tăng nhiều trong khi giá thành và chi phí hoạt động tăng nhanh;

Thị trường chứng khoán suy giảm mạnh, do vậy việc huy động vốn từ kênh này cũng rất khó khăn.

Năng lực nội tại của hệ thống quản lý, vận hành, bán hàng... của Công ty còn nhiều hạn chế, chưa đạt yêu cầu, xoay sở chậm chạp trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường.

Những nét chính trong kết quả hoạt động

Các ngành hàng sản xuất của VHG có biến chuyển tích cực về thị trường và chất lượng:

- Cấp quang của VHG nằm trong top 3 nhà sản xuất tốt nhất trong ngành;

- Ống nhựa luôn cấp viễn thông tăng trưởng rất tốt trong năm, là nhà cung ứng sản phẩm chủ lực hiện nay trên thị trường;

- Sản phẩm sản xuất từ cốt sợi thủy tinh FRP đã có các nghiên cứu sản phẩm phù hợp ứng dụng cho các ngành khác nhau, từng bước phát triển thương hiệu để thâm nhập vào các dự án lớn.

Các ngành hàng sản xuất biến động giảm sút do nguyên nhân khách quan và chủ quan:

- Cáp quang giảm sản lượng bán hàng do nhu cầu sụt giảm; một số sản phẩm mới triển khai chưa đạt về tiến độ và làm chủ kỹ thuật;
- Dây và cáp điện giảm sản lượng bán hàng do nhu cầu thị trường giảm, hàng nháy và giả, chưa cạnh tranh tốt với các sản phẩm cùng loại trên thị trường. Công tác phát triển thị trường không đạt yêu cầu, giảm sút tương đối mạnh;
- Vật liệu xây dựng gạch ngói đã nâng cao công suất, chất lượng, tuy nhiên sản lượng bán hàng không tăng do ảnh hưởng suy giảm thị trường.

Tổng kết năm 2012, VHG không đạt các chỉ tiêu cơ bản theo nghị quyết đại hội cổ đông đề ra. Nguyên nhân chính: VHG gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm sản xuất do thị trường VLXD công nghiệp giảm sút; việc thực hiện chuyển nhượng, thanh lý tài sản và các dự án chưa được thực hiện do giá thị trường giảm quá mạnh; tiến độ thu hồi công nợ của khách hàng không đạt yêu cầu; khấu hao nhà máy cáp đồng trong khi dừng sản xuất chờ thanh lý; Chi phí dự phòng các khoản phải thu và hàng tồn kho; Việc tiếp cận vốn vay dài hạn cho các dự án đầu tư gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn thắt chặt tiền tệ các năm vừa qua nên vốn tài trợ cho các dự án (cao su, nộp tiền sử dụng đất bất động sản) đều sử dụng vốn chủ, vốn vay ngắn hạn tài trợ... đã làm cho việc cân đối tài chính của Công ty không được thuận lợi ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh... Kết quả này đã thể hiện những khó khăn, rủi ro từ môi trường kinh doanh mà VHG đang phải chống chọi nhưng khẳng định sự quyết liệt của VHG trong việc thực hiện cấu trúc lại toàn diện Công ty, đưa VHG phát triển trong giai đoạn mới.

Những thay đổi chủ yếu và các sự kiện tiêu biểu

Năm 2012, VHG đã tiếp tục kiên định triển khai các định hướng chính trong giai đoạn 2010-2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 phê duyệt:

Sắp xếp hợp lý tổ chức, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty. Các nhà máy sản xuất được tập trung phát triển chiều sâu trên cơ sở loại bỏ các sản phẩm không lợi thế, tập trung đầu tư phát triển thị trường trọng tâm, đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu các sản phẩm của VHG.

Tăng cường quản trị nội bộ, gia tăng các biện pháp giải pháp tiết kiệm chi phí quản lý, kiểm soát định mức sản xuất cho từng đơn hàng, từng danh mục sản phẩm. Rà soát đánh giá từng nhóm sản phẩm để có định hướng đầu tư phát triển phù hợp.

Tăng cường công tác thu hồi nợ và áp dụng các biện pháp cứng rắn xử lý dứt điểm các khoản nợ dây dưa.

VHG tiếp tục duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo chuẩn ISO 9001: 2008 cho các nhà máy, dự án và tiếp tục xây dựng văn hóa VHG

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn

Chỉ tiêu	31/12/2011 (đồng)	31/12/2012 (đồng)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần	247.753.825.815	168.286.570.478	67,92
Lợi nhuận gộp	24.361.626.445	8.161.338.770	33,50
Doanh thu hoạt động tài chính	4.936.536.099	1.266.913.023	25,66
Chi phí tài chính	21.637.572.916	16.056.483.610	74,21
- Chi phí lãi vay	14.766.579.001	16.697.068.553	113,07

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3.907.457.600	(5.608.539.478)	
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.948.215.494	499.809.322	16,95
- Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư		4.448.201.669	
- Chi phí tài chính khác	15.320.821	9.943.544	64,90
Chi phí bán hàng	19.321.540.811	10.976.692.430	56,81
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.086.717.095	16.541.111.557	96,81
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(28.747.668.278)	(34.136.035.804)	118,74
Lợi nhuận khác	(1.846.596.497)	(1.871.674.396)	101,36
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(30.594.264.775)	(36.007.710.200)	117,69
Lợi nhuận sau thuế	(30.594.264.775)	(36.082.324.144)	117,94
Lợi nhuận gộp/ Doanh thu	9,78%	4,85%	49,59
Lợi nhuận ròng/ Doanh thu	N.A	N.A	
ROA	N.A	N.A	
ROE	N.A	N.A	
EPS	(1.224)	(1.443)	

Năm 2012, VHG gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm do sức mua thị trường. Đặc biệt, thị trường vật liệu xây dựng ảm đạm, hàng hóa gặp phải cạnh tranh khốc liệt về giá, hàng nhái; việc chuyển nhượng dự án bất động sản, thanh lý tài sản nhà máy cáp đồng chưa được thực hiện do giá thị trường giảm mạnh;... đã làm cho công tác cân đối tài chính của Công ty không được thực hiện theo mong muốn, ảnh hưởng mạnh đến kết quả kinh doanh, trong năm đã lỗ 36,08 tỷ đồng. Các nguyên nhân cơ bản:

- Doanh thu chỉ đạt 168,6 tỷ đồng, giảm 32,3 % so với cùng kỳ năm trước do sức tiêu thụ hàng hóa giảm sút, một số đơn hàng còn dở dang cuối năm. Năng lực tiêu thụ thấp rất nhiều lần so với năng lực sản xuất đã không làm hạ được giá thành sản phẩm;
- Các sản phẩm chính của Công ty không có sự khác biệt nhiều so với sản phẩm khác hiện có trên thị trường (vật liệu xây dựng công nghiệp và dân dụng cơ bản). Chúng loại hàng hóa đa dạng, nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Có rất nhiều đối thủ cạnh tranh từ thương mại để sản xuất, hàng hóa tồn kho thừa mứa trên thị trường, giá bán cạnh tranh khốc liệt;
- Việc thanh lý tài sản nhà máy cáp đồng đã dừng sản xuất 4 năm nay vẫn chưa được thực hiện (do giá thiết bị quá giảm trong điều kiện hiện nay) dẫn đến phải tiếp tục trích khấu hao trên 7 tỷ đồng/năm;
- Khó khăn trong tiếp cận vốn của khách hàng tiêu thụ sản phẩm, các khoản nợ "dây chuyền" lẫn nhau giữa nhà sản xuất – nhà phân phối – nhà xây lắp – nhà tiêu thụ... trong các năm qua làm công nợ khó đòi tiếp tục tăng; các khoản đầu tư tài chính khó thanh khoản trong điều kiện thị trường chứng khoán ảm đạm... làm chi phí trích dự phòng đến 5 tỷ đồng;
- Chi phí trả lãi vay cao (16,7 tỷ đồng) do đa phần khách hàng của VHG là DNNN đang gặp khó khăn tài chính nên thanh toán không đúng hạn; các dự án đầu tư bất động sản gặp khó khăn phải kéo dài tiến độ/dừng đầu tư trong khi đó được tài trợ bằng vốn chủ và một phần vốn vay ngắn hạn do thiếu hụt nguồn và khó khăn tiếp cận vốn trung dài hạn từ tổ chức tín dụng do chính sách thắt chặt tiền tệ trong các năm qua;
- Các dự án bất động sản, trồng cây cao su đang trong giai đoạn đầu tư chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận nhưng phải hạch toán một số chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện dự án theo

luật định làm ảnh hưởng đến lợi nhuận. Một phần chi phí tài trợ cho dự án đầu tư dài hạn phải xoay sở bằng nguồn ngắn hạn nên không vốn hóa được tài sản đầu tư, làm chi phí tài chính tăng mạnh trong năm.

Với kết quả 2012 như trên đã phản ánh những khó khăn mà VHG đối mặt trước sự bất ổn định vĩ mô của nền kinh tế, chính sách tài chính tín dụng, thị trường suy giảm, giá cả biến động... trong khi công tác quản trị không lường hết các yếu tố rủi ro. Đặc biệt khả năng thanh toán của các đối tác mua hàng bị hạn chế nên ảnh hưởng trầm trọng đến tiến độ thanh toán là nguyên nhân làm khó khăn tài chính và gia tăng chi phí tài chính tại VHG, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản trị, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng

Năm 2012, VHG đã liên tục đánh giá lại nguồn nhân lực, sắp xếp và cải tổ lại toàn bộ hệ thống. Hoàn thiện mô hình phân định khối sản xuất – đầu tư và khối chức năng theo hướng tinh gọn và linh hoạt. Thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch và đánh giá kết quả hoạt động của từng nhà máy để có biện pháp hoạt động hiệu quả hơn. VHG đã phát triển toàn diện hệ thống ISO 9001:2008 trong tất cả các tổ chức nội bộ, áp dụng quản trị theo công nghệ thông tin hiện đại.

Hoạt động của các tổ chức đoàn thể đã phát huy và góp phần điều chỉnh hoàn thiện hệ thống tổ chức của VHG.

Nguồn nhân lực đã thay đổi mạnh trong năm, đa phần lao động đều tâm huyết, gắn bó và chia sẻ những khó khăn chung.

Tình hình nhân lực chung của VHG

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
Tổng số lao động (người)	621	458	475
Độ tuổi (%)			
- Dưới 30	24	23	26
- Từ 30-50	74	74	71
- Trên 50	2	3	3
Trình độ lao động (%)			
- LĐPT, Trung cấp, nghề	72,0	70,1	79,8
- Cao đẳng	11,3	9,2	5,05
- Đại học và trên đại học	16,7	20,7	15,15
Cơ cấu lao động (%)			
- Công nhân	91,9	92,1	93,9
- Quản lý cấp trung	6,3	6,2	4,6
- Quản lý cấp cao	1,8	1,7	1,5
Thu nhập bình quân (đồng/tháng)	2.884.394	3.600.337	3.281.229
Năng suất lao động (đồng/tháng)	42.448.133	49.919.851	37.470.566

Thực hiện và nâng cao tính minh bạch trong mọi hoạt động

Xác định đây là giá trị cốt lõi của VHG, trong năm đã hoàn thiện hệ thống quản trị phù hợp, số liệu được cập nhật hóa, lấy giá trị "trung thực" làm trung tâm trong chuỗi giá trị: đoàn kết – sáng tạo – trung thực – cùng thịnh vượng. VHG đã tổ chức kênh thông tin thông qua website, người đại diện phát ngôn. Toàn bộ mọi hoạt động được phản ánh trung thực, cầu thị.

Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng

Với những khó khăn trong năm, tuy nhiên VHG vẫn luôn quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ phát triển cộng đồng, đặc biệt là các vùng dự án đang triển khai. Trong đó sử dụng chính cho công tác khuyến học, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt và đặc biệt chia sẻ những khó khăn đối với nhân viên của VHG. Nguồn thực hiện từ sự đóng góp của nhân viên và quỹ khen thưởng phúc lợi từ các năm trước chuyển sang.

Nghiên cứu và phát triển thành công các sản phẩm dịch vụ mới

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy hoạch, quản lý vườn cây cao su theo chương trình tin học hóa.

Nghiên cứu và đa dạng hoá các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh, các loại ống cấp thoát nước có đường kính lớn độn cát, các sản phẩm phục vụ ngành điện lực.

Nghiên cứu phát triển sản phẩm gạch không nung, hóa polymer nhằm đảm bảo cạnh tranh trong thời gian đến do yêu cầu chuyển đổi sản phẩm của Chính phủ.

Phát triển sản phẩm cáp quang có khả năng chống thấm cao, khoảng vượt lớn và ứng dụng cho đường trục thông tin quốc gia.

Tiếp tục xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu và mở rộng hệ thống phân phối

Năm 2012, VHG tiếp tục xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu. Thương hiệu VIET-HAN TILES đã có độ phủ rộng, năng lực bán hàng tương đương với năng lực sản xuất khi kinh tế phục hồi. Thương hiệu VIET-HAN FRP với các sản phẩm cốt sợi thủy tinh có đường kính lớn, chất lượng cao đã bắt đầu được các nhà cung ứng dịch vụ xử lý môi trường, sản xuất thực phẩm, hệ thống dẫn nước giải nhiệt cho các nhà máy nhiệt điện... tin dùng và khả năng phát triển về ngành hàng này rất lớn. Thương hiệu VIET-HAN PIPE khẳng định trên thị trường viễn thông, là một đơn vị dẫn đầu lĩnh vực này được Tập đoàn VNPT, Viettel lựa chọn.

Trong năm qua, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng VHG vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động quảng bá thương hiệu, tiếp xúc khách hàng bằng các hình thức khác nhau trên cơ sở tiết kiệm.

Hầu hết các sản phẩm của VHG đã xây dựng được giá bán hợp lý, giao hàng đúng tiến độ theo hợp đồng. Thực hiện tốt các cam kết bảo hành sản phẩm. Khẳng định hình ảnh và thương hiệu VHG thông qua chính sách chất lượng và cam kết toàn diện vì sự hợp tác bền chặt lợi ích lâu dài đối với khách hàng.

Đã tập trung xử lý việc làm hàng giả, nhái thương hiệu của VHG trên thị trường, đến nay đã kịp thời ngăn chặn, giảm tổn thất cho Công ty, đảm bảo quyền lợi cho khách hàng và nâng cao uy tín thương hiệu.

Dừng, giãn tiến độ, lựa chọn đầu tư có trọng tâm

Do tình hình thị trường có nhiều thay đổi, VHG đã cân nhắc triển khai thực hiện các dự án:

Bất động sản và hạ tầng: dự án D'EVERLYN BEACH (Công ty con Quê Việt-Quảng Nam là chủ đầu tư) đã thực hiện điều chỉnh phương án kinh doanh, trình quy hoạch phù hợp, thực hiện đăng ký giãn tiến độ đầu tư với chính quyền. Dự án D'EVERLYN TOWER dừng đầu tư, tiếp thị để chuyển nhượng. Thanh lý các hợp đồng hợp tác với Handic, thu hồi vốn do tiến độ triển khai chậm. Tiếp tục cùng đối tác Hacisco hoàn thiện quy hoạch dự án khu G Thành Công (Hà Nội). Lập thủ tục chuyển trả dự án cụm công nghiệp dịch vụ An Lưu (Quảng Nam) do chính quyền yêu cầu chuyển trả để thay đổi công năng.

Trồng cây cao su: do xác lập thủ tục quyền sử dụng đất kéo dài từ chính quyền địa phương nên trong năm vẫn chưa phát triển thêm diện tích đất cho dự án (kế hoạch 2012 sẽ chuyển sang 2013, tổng diện tích quy hoạch của dự án là 13.300 ha). Trong năm tập trung chăm sóc và nâng cao chất lượng vườn cây, tiến hành rà soát và đúc kết kinh nghiệm làm cơ sở cho việc triển khai đồng loạt dự án cho các năm đến. Tiếp tục hoàn thiện các phương án liên kết để đẩy nhanh tiến độ và tạo sự đồng thuận của người dân vùng dự án.

Khai thác và chế biến kim loại màu: tạm dừng đầu tư.

Ngoài ra đã quan hệ, xúc tiến với các đối tác Belarus, Korea để tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư trên cơ sở tài sản hiện có (nhà xưởng, đất đai, nguồn nhân lực). Kết quả hiện tại dừng ở bước các bên cùng nghiên cứu.

Danh mục triển khai đầu tư trong năm 2012:

Danh mục	Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Tổng giá trị lũy kế (tr.đồng)	Tỷ lệ TH/KH %	Nội dung đã thực hiện
Dự án khu nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái làng nghề AN LƯU (Quảng Nam). <i>Nội dung thực hiện: bổ sung chi phí san lấp mặt bằng, thủ tục quy hoạch và cấp phép đầu tư</i>	10.000	133	8.910	1,33	Không triển khai. Phát sinh chi phí bảo vệ. Hoàn tất thủ tục nội bộ để quyết toán chuyển trả chính quyền địa phương theo yêu cầu thay đổi công năng dự án (dùng làm hạ tầng VH-TDĐT)
Dự án D'EVELYN BEACH - Non Nước Hội An. <i>Nội dung thực hiện: chi phí tư vấn thiết kế, triển khai tiểu khu vực trong dự án.</i>	30.000	-	-	-	Chuyển vốn sang Công ty con thực hiện. Giá trị phát sinh chỉ thực hiện công tác quy hoạch 1/500
Dự án đất nền, nhà ở cho thuê tại khu vực tỉnh Quảng Nam. <i>Nội dung thực hiện: quy hoạch, đền bù, thi công hạ tầng và tổ chức bán hàng.</i>	20.000	-	-	-	Không triển khai do tình hình bất động sản suy giảm, không khả thi trong thời gian hiện tại
Dự án trồng cây cao su ĐÔNG GIANG - Quảng Nam <i>Nội dung thực hiện: đền bù 1.000 -1.500 ha, trồng mới 600-800 ha; chăm sóc vườn cây các năm trước, chi phí quy hoạch một phần của dự án mở rộng thêm 9.000 ha.</i>	50.000	7.983	52.010	15,97	Chi phí đầu tư máy cày, chi phí chăm sóc vườn cây trong năm. Chi phí đền bù không thực hiện do tiến độ lập thủ tục kéo dài phải chuyển sang năm 2013
Bổ sung đầu tư cho các nhà máy <i>Nội dung thực hiện: đầu tư bổ sung một số thiết bị máy móc cho sản xuất nhằm hợp lý hóa dây chuyền và thay thế một số thiết bị hư hỏng đã qua quá trình sử dụng.</i>	5.000	3.344		66,88	Chi sửa chữa lớn thiết bị nhà máy công nghệ vật liệu, bổ sung một số thiết bị cho nhà máy nhựa
Tổng cộng	115.000	11.460		9,96	

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**Tài sản và nguồn vốn**

Chỉ tiêu	31/12/2011 (đồng)	31/12/2012 (đồng)	%
Tài sản dài hạn	331.277.268.996	327.183.331.304	98,76
- Nguyên giá TSCĐ	211.766.875.026	214.952.531.992	101,50
- Giá trị hao mòn	104.898.092.392	123.989.384.875	118,20
- Giá trị còn lại	106.868.782.634	90.963.147.117	85,12
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	63.471.672.599	75.314.156.880	118,66
Tài sản ngắn hạn	202.635.330.357	171.864.211.883	84,81
Tổng tài sản	533.912.599.353	499.047.543.187	93,47
Nợ ngắn hạn	138.869.485.699	133.086.753.677	95,84
Nguồn vốn chủ sở hữu	395.043.113.654	358.960.789.510	90,87
Tổng nguồn vốn	533.912.599.353	499.047.543.187	93,47

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	%
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,06	0,07	116,66
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,45	1,28	88,27
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	0,38	0,34	89,47
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	0,62	0,66	106,45
Hệ số nợ /Tổng tài sản	0,26	0,28	107,69
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,35	0,39	111,42
Vòng quay hàng tồn kho	2,57	2,35	91,43
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,46	0,34	73,91

Các số liệu tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC- thành viên quốc tế của Polaris International (có báo cáo kiểm toán đính kèm)

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Danh mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (đồng)	Thặng dư vốn cổ phần (đồng)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (đồng)	LNST chưa phân phối (đồng)
Số dư tại 01/01/2011	250.000.000.000	175.000.000.000	2.571.112.321	25.813.389.051
Tăng trong năm	-	-	-	(30.570.275.397)
Giảm trong năm	-	-	2.571.112.321	25.200.000.000
Số dư tại 31/12/2011	250.000.000.000	175.000.000.000	-	(29.956.886.346)
Số dư tại 01/01/2012	250.000.000.000	175.000.000.000	-	(29.956.886.346)
Tăng trong kỳ	-	-	49.622.854	(36.083.324.144)
Giảm trong kỳ	-	-	49.622.854	-
Số dư tại 31/12/2012	250.000.000.000	175.000.000.000	-	(66.039.210.490)

Cổ phiếu

Chỉ tiêu	31/12/2011 (cổ phiếu)	31/12/2012 (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	25.000.000	25.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>25.000.000</i>	<i>25.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>25.000.000</i>	<i>25.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

Biến động giá cổ phiếu trong năm

Khối lượng giao dịch cao nhất	: 1.552.050
Khối lượng giao dịch thấp nhất	: 6.680
Tổng khối lượng giao dịch	: 77.064.800
Khối lượng giao dịch bình quân	: 308.259
Giá cổ phiếu cao nhất	: 6.600
Giá cổ phiếu thấp nhất	: 2.100

Biểu đồ giao dịch:





Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Chỉ tiêu	31/12/2011 đồng	31/12/2012 đồng
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	25.813.389.051	(29.956.886.346)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(30.594.264.775)	(36.082.324.144)
Phân phối lợi nhuận	25.200.000.000	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	25.200.000.000	-
<i>Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát</i>	-	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-
<i>Chia cổ tức</i>	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(29.980.875.724)	(66.039.210.490)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả

	31/12/2011	31/12/2012	Tỷ lệ (%)
Các khoản vay và nợ	114.148.839.081	115.261.998.599	100,97
Phải trả người bán	16.304.293.402	14.077.920.909	86,34
Chi phí phải trả	1.031.276.426	421.522.251	40,87
Phải trả khác	2.368.417.342	2.855.433.818	120,56
Cộng	133.852.826.251	132.616.875.577	99,07

Công ty đã đánh giá rủi ro thanh toán của VHG ở mức cao nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Tổng hợp các tài sản tài chính ngắn hạn:

	31/12/2011	31/12/2012	Tỷ lệ (%)
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.042.330.357	6.313.598.456	125,21
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.732.320.000	2.889.842.000	77,43
Các khoản phải thu ngắn hạn	120.371.111.450	89.155.657.971	74,07
Hàng tồn kho	67.399.981.257	68.249.287.648	101,26
Tài sản ngắn hạn	6.089.822.348	5.255.825.808	86,31
Cộng	202.635.330.357	171.864.211.883	84,81

MỤC TIÊU TỔNG THỂ NĂM 2013

Nhìn nhận và đánh giá

Tình hình kinh tế năm 2013 của Việt Nam sẽ còn nhiều bất ổn, khả năng tăng trưởng hạn chế, tồn đọng hàng tồn chưa thể giải quyết nhanh, khó kỳ vọng hành vi tiêu dùng có sự thay đổi đáng kể... sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động đầu tư của VHG. Chi phí sản xuất có khả năng gia tăng trong khi thị trường tiêu thụ sẽ khó khăn hơn do khả năng đầu tư và thanh toán của khách hàng, đặc biệt các khách hàng chủ chốt của VHG là các Tập đoàn, Công ty nhà nước. Nhiều doanh nghiệp cùng ngành hàng của VHG đang thừa công suất, nằm trong giai đoạn quyết định sống còn... nên sẽ làm cho thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt hơn, làm cho lợi nhuận chung của ngành hàng giảm mạnh.

Việc mua bán và hợp tác các dự án trung và dài hạn của VHG, đặc biệt các dự án về bất động sản sẽ gặp hết sức khó khăn do thị trường chung nên khả năng cân đối tài chính cho hoạt động trong bối cảnh tiếp cận vốn khó và chi phí vốn cao là hiện thực.

Thị trường chứng khoán vẫn chưa có dấu hiệu tăng khả quan, việc tiếp cận nguồn vốn trung dài hạn cũng hết sức khó khăn, lãi suất vẫn còn cao nên tiến độ triển khai các dự án dài hạn của VHG sẽ gặp nhiều khó khăn.

Định hướng mục tiêu 2013

Với bối cảnh kinh doanh hiện tại và các biến động khó lường từ các chính sách, việc dự báo sát đúng tình hình và xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động của năm 2013 là rất khó khăn, tuy nhiên với quan điểm cần trọng nhằm duy trì hoạt động có hiệu quả với sự kiểm soát rủi ro cao, từng bước vượt qua khó khăn. VHG định hướng như sau:

- Tập trung các nguồn lực để phát triển thị trường truyền thống (lĩnh vực viễn thông, điện lực), tiếp tục duy trì các hoạt động sản xuất để giải quyết công ăn việc làm, bảo toàn vốn. Đặt mục tiêu ổn định cạnh tranh và phát triển thị trường cho các năm tiếp theo.
- Tập trung cân đối lại nguồn vốn chủ trong bối cảnh tiếp cận nguồn vốn dài hạn khó khăn, khả năng hợp tác trên thị trường vốn hạn chế. Lượng hóa thành tiền mặt trong cơ cấu nguồn vốn chủ.
- Thực thi một chiến lược sản phẩm phù hợp để tạo thế cạnh tranh, điều chỉnh linh hoạt quy mô hoạt động theo khả năng thị trường hiện tại.
- Tiếp tục duy trì và cải tiến cơ chế hoạt động và quản lý theo hướng chuyên nghiệp và gọn nhẹ.
- Tù theo những diễn biến của thị trường, VHG giám sát đánh giá chặt chẽ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của từng nhà máy, từng dòng sản phẩm linh động điều tiết để ứng phó nhanh với sự thay đổi, đồng thời sẵn sàng các biện pháp kịp thời để thúc đẩy, gia tăng doanh số, hiệu quả của từng dòng sản phẩm. Thực thi kế hoạch đầu tư thận trọng.
- Hoạt động kinh doanh trong năm 2013 có lãi và hoàn thành được mục tiêu cân đối nguồn vốn chủ, tiền mặt hóa tài sản.

Các mục tiêu cơ bản của VHG trong năm 2013

Bằng mọi nỗ lực, thực thi chiến thuật linh hoạt xoay quanh trục ngành nghề đã xác lập, trong đó ưu tiên phục vụ khối sản xuất và đầu tư dự án cao su trong năm 2013 để đạt mục tiêu chính là 410 tỷ đồng doanh thu và có lãi.

Cân đối lại nguồn vốn chủ, tạo lượng tiền mặt trong cơ cấu vốn đủ lớn để tìm kiếm cơ hội gia tăng lợi nhuận trong các năm tiếp theo bằng việc thanh lý vật tư, tài sản nhà máy cấp đồng đã ngừng sản xuất, thanh lý thiết bị máy móc đã hết hạn sử dụng và lạc hậu công nghệ, chuyển nhượng các dự án đã đầu tư, thu hồi công nợ dài hạn...

Khối sản xuất ổn định và tăng cường chất lượng, tăng năng suất, hạ giá thành, triển khai các sản phẩm mới và mở rộng mạng lưới, từng bước chiếm lĩnh các phân khúc thị trường, tiến đến hạch toán độc lập. Đặc biệt phát triển mạnh sản phẩm ống luồn cáp cho việc hiện đại hóa mạng lưới của ngành viễn thông, sản phẩm composite cốt sợi thủy tinh ứng dụng vào hệ thống xử lý nước cho các nhà máy nhiệt điện, các công trình cấp thoát nước, thủy lợi và môi trường nhằm mang lại lợi thế về thương hiệu trong các năm đến.

Triển khai xúc tiến hoạt động thương mại, xuất khẩu các sản phẩm của VHG và các sản phẩm khác nhằm cải thiện thị trường tiêu thụ và gia tăng doanh số.

Triển khai hợp tác, chuyển nhượng các dự án bất động sản đang sở hữu để hiệu lực hóa dòng tiền, cơ cấu lại nguồn vốn, đảm bảo ổn định và cắt giảm chi phí tài chính.

Triển khai đền bù, giải phóng mặt bằng từ 1.000 – 2.000 ha và trồng mới từ 600 – 1.000 ha cao su. Tiếp tục chuẩn bị quỹ đất và các nguồn lực để đảm bảo cho năm 2014 triển khai hoàn thiện giai đoạn 1 của dự án.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, xây dựng và chuẩn bị đầy đủ nguồn nhân sự cho chiến lược phát triển lâu dài.

Thực thi chiến lược quản trị, kiểm soát chặt chẽ mọi mặt để tiết kiệm chi phí, sử dụng vốn có hiệu quả, đặc biệt công tác thu hồi công nợ.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao uy tín thương hiệu VHG trên thị trường truyền thống và các lĩnh vực đang triển khai, nâng cao tính minh bạch trong mọi hoạt động của VHG.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ISO và xây dựng áp dụng cho các dự án và đơn vị mới của VHG.

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:

Danh mục	Kế hoạch (tr.đồng)	Tỷ lệ (%) 2012/2011
Doanh thu	410.000	238,09
- Sản xuất	285.000	169,64
- Bất động sản	115.000	
- Hoạt động khác (thanh lý vật tư, thiết bị, nhà xưởng nhà máy cấp đồng và khác)	10.000	
Lợi nhuận trước thuế	15.000	
- Sản xuất	15.000	
- Bất động sản	5.000	
- Hoạt động khác	(10.000)	
- Hoạt động tài chính	5.000	

Duy trì có tăng trưởng doanh thu khối sản xuất, mang lại lợi nhuận tương đối trong khi thị trường đang cạnh tranh gay gắt, nhiều nhà máy cùng ngành đang dừng hoạt động và chi phí tài chính sử dụng vốn lưu động chưa thay đổi do chưa cân đối nguồn vốn chủ trong giai đoạn trước mắt;

Doanh thu bất động sản dự kiến thu từ chuyển nhượng một trong các dự án hiện tại. Mục đích chính là để thu hồi vốn, tập trung đầu tư cho các dự án khác trong khi đánh giá thị trường và khả năng thực hiện của dự án này chưa khả quan. Việc chuyển nhượng sẽ mang lại mức lợi nhuận

không lớn do tình hình thị trường chung của khu vực. Tuy nhiên, tùy diễn biến thị trường, để cân đối nguồn tài chính thì khả năng phải chấp nhận chuyển nhượng giá thấp hơn giá vốn để giảm các chi phí tài chính khác phát sinh trong hoạt động;

Doanh thu hoạt động khác từ việc thanh lý vật tư, thiết bị, nhà xưởng nhà máy cấp đồng đã dừng sản xuất qua nhiều năm nhưng phải trích khấu hao (hàng năm trên 7 tỷ đồng làm ảnh hưởng mạnh đến kết quả sản xuất chung). Dự kiến hoạt động này sẽ âm (10) đến (15) tỷ đồng lợi nhuận do nhu cầu sử dụng thiết bị và vật tư trên thị trường là không đáng kể và nằm trong tình trạng chung hơn 10 nhà máy tại Việt Nam đang xúc tiến chào bán thanh lý.

Tóm lại, chỉ tiêu chính của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 nhằm duy trì hoạt động và thu hồi tiền mặt từ các tài sản đã đầu tư qua các năm, tìm kiếm cơ hội gia tăng lợi nhuận và dành vốn đầu tư cho các dự án trọng điểm trong các năm đến.

Lĩnh vực đầu tư bất động sản và hạ tầng

Tiếp tục điều chỉnh tiến độ đầu tư, triển khai phương án hợp tác liên kết nhằm chia sẻ cơ hội, tiếp cận nguồn vốn và kinh nghiệm để các dự án đạt hiệu quả cao, cụ thể:

Tìm kiếm đối tác chuyển nhượng dự án D' Evelyn Tower (Đà Nẵng), thu hồi vốn đầu tư.

Quy hoạch hoàn chỉnh dự án D' Evelyn beach (Non Nước – Hội An) theo cam kết với chính quyền địa phương, hợp tác hoặc cân đối thời điểm để triển khai dự án đạt hiệu quả cao.

Hoàn thành việc chuyển trả dự án cụm công nghiệp đô thị dịch vụ An Lưu (Quảng Nam) theo yêu cầu của chính quyền để thay đổi công năng sang phục vụ VH-TDTT của địa phương, thu hồi vốn đầu tư.

Nghiên cứu đầu tư các dự án đất nền có quy mô nhỏ và vừa, dự án nhà ở cho thuê... tại các khu công nghiệp, khu vực thị xã, thị tứ thuộc tỉnh Quảng Nam.

Tùy theo tình hình chung, VHG sẽ chủ động điều tiết phát triển các dự án bất động sản và hạ tầng để tránh rủi ro và vẫn xác định đây là lĩnh vực quan trọng phải theo đuổi, chuẩn bị nhân sự, xây dựng các kế hoạch phát triển cho phù hợp.

Lĩnh vực trồng cây cao su

Tiếp tục phối hợp tốt với các đơn vị tư vấn, cơ quan chức năng để tiến hành đo đạc, đền bù tài sản trên đất cho dân, hoàn thành các thủ tục giao đất. Phần đầu trong năm 2013 đền bù để có quỹ đất từ 1.000 - 1.500 ha, trồng mới được 600 – 1.000 theo quỹ đất phát triển được, kết thúc năm 2013 đã chuẩn bị xong quỹ đất đến hoàn chỉnh giai đoạn 1. Triển khai các phương án liên kết, các thủ tục giải phóng mặt bằng cho giai đoạn 2 từ 1.000 – 1.500 ha. Xây dựng phương án tín dụng vốn cho dự án và thành lập Công ty con trong năm 2013 hoặc vào giai đoạn thích hợp.

Nghiên cứu chiều sâu để tìm cơ hội trồng thêm loài mới trong thời kỳ kiến thiết cơ bản và sản xuất công nghiệp, tạo giá trị gia tăng và ổn định lâu dài cho dự án.

Lĩnh vực khai thác và chế biến kim loại màu

Tạm dừng nghiên cứu và triển khai lĩnh vực này do việc đầu tư ra nước ngoài không thuận lợi theo kế hoạch, sự thay đổi chính sách của nước sở tại ảnh hưởng đến thành công của dự án. Trong năm 2013 sẽ tiến hành thu hồi một số kinh phí đã đầu tư thông qua đối tác tại vùng dự án đang nghiên cứu.

Lĩnh vực sản xuất

- **Cáp quang:** tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm, thiết kế và đưa ra thị trường các sản phẩm mới có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu truyền dẫn chất lượng cao của mạng viễn thông hiện tại và tương lai. Tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sản phẩm. Lĩnh vực này chú trọng khai thác tối đa công suất dây chuyên và duy trì ổn định chất lượng nhằm cung ứng cho doanh nghiệp viễn thông Việt Nam đầu tư ra nước ngoài (Viettel, VNPT).

- **Nhựa:** tập trung khai thác tối đa năng lực sản xuất để phục vụ nhu cầu hiện đại hóa mạng lưới, nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khu vực thời tiết bão lũ... của các nhà cung ứng dịch vụ viễn thông đang có nhu cầu cao, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu cho doanh nghiệp Việt Nam đầu tư hạ

tăng viễn thông ra nước ngoài. Có đánh giá phù hợp để loại bỏ sản phẩm ống nước ra khỏi danh mục sản xuất kinh doanh do cạnh tranh ngành và khả năng mở rộng mạng lưới tiêu thụ, thương hiệu..., thực hiện thu hồi tốt công nợ các đại lý.

- **FRP composite:** tăng cường quảng bá và xúc tiến các dự án cấp thoát nước, dự án xử lý môi trường, điện lực tại các địa phương. Phát huy những thành quả trong việc đã nghiên cứu phát triển đa dạng sản phẩm để mở rộng thị trường. Chú trọng các dự án lớn về thủy lợi và cấp nước theo chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2011-2015, các dự án dẫn nước cho các nhà máy nhiệt điện.

- **Dây và cáp điện:** Làm mới lại thị trường. Gia tăng doanh số tiêu thụ dòng dây CCA trên hệ thống phân phối đã thiết lập. Mục tiêu là đẩy mạnh tiêu thụ dòng dây điện đồng dân dụng chất lượng cao song hành là thị trường cáp điện để tận dụng và khai thác hiệu quả máy móc thiết bị. Xây dựng chiến lược vật tư phù hợp với tình hình diễn biến của thị trường, để tạo thế chủ động trong công tác đấu thầu cung cấp cáp điện lực các loại. Định hướng liên doanh liên kết với các đối tác trong nước theo hình thức liên doanh để gia tăng hiệu quả.

- **Gạch ngói:** Thay đổi cơ cấu sản phẩm sản xuất theo nhu cầu thị trường, nghiên cứu sản phẩm không nung theo công nghệ hóa polymer, phát triển thêm ngành nghề kinh doanh trong lĩnh vực cung ứng vật liệu xây dựng.

Tùy tình hình chung, định hướng một số nhà máy sẽ thực hiện phương án tách thành lập đơn vị độc lập, liên kết liên doanh hoặc chuyển nhượng đầu tư thích hợp, đảm bảo mang lại hiệu quả cho Công ty.

Các lĩnh vực đầu tư khác

Tham gia liên kết với các đối tác có năng lực và kinh nghiệm trong và ngoài nước để phát triển các dự án mang tính hiệu quả ổn định như hạ tầng. Nghiên cứu và đưa ra giải pháp đầu tư, liên doanh liên kết vào các lĩnh vực dài hạn, lợi nhuận ổn định như cây công nghiệp cao su, nguyên liệu giấy... Quan điểm đầu tư thận trọng không dàn trải.

Tham gia lĩnh vực thương mại, xuất khẩu các sản phẩm của VHG và các sản phẩm khác nhằm cải thiện thị trường tiêu thụ và gia tăng doanh số.

Danh mục đầu tư 2013

Để đảm bảo duy trì và tạo đà phát triển VHG trong các năm tiếp theo, ngoài việc chuyển nhượng, hợp tác phát triển các dự án đã đầu tư các năm trước, trong năm 2013 cần triển khai các danh mục đầu tư dưới đây. Tuy nhiên việc triển khai sẽ cân nhắc trên cơ sở khả năng huy động vốn và thứ tự ưu tiên triển khai. Trong đó tập trung cho dự án trọng điểm là cao su Đông Giang để cân đối hiệu quả của dòng tiền đầu tư và hợp lý hóa diện tích đầu tư. Bên cạnh đó dự án đất nền, nhà ở cho thuê thuộc các khu vực thị xã, thị tứ của Quảng Nam cũng là lợi thế khi xuất đầu tư vừa phải và khả năng thị trường tốt nhằm tạo lợi nhuận bổ sung cho kế hoạch đã xác lập.

Danh mục	Kinh phí đầu tư (tr.đồng)	Thời gian hoàn thành
Dự án D'EVELYN BEACH - Non Nước Hội An <i>Nội dung thực hiện: chi phí tư vấn thiết kế, triển khai tiểu khu vực trong dự án.</i>	10.000	31/12/2013
Dự án trồng cây cao su ĐÔNG GIANG - Quảng Nam <i>Nội dung thực hiện: đền bù 1.000 -1.500 ha, trồng mới 600-800 ha; chăm sóc vườn cây các năm trước, chi phí quy hoạch một phần của dự án mở rộng thêm 9.000 ha</i>	50.000	31/05/2014
Bổ sung đầu tư cho các nhà máy <i>Nội dung thực hiện: đầu tư bổ sung một số thiết bị máy móc cho sản xuất nhằm hợp lý hóa dây chuyền và thay thế một số thiết bị hư hỏng đã qua quá trình sử dụng</i>	5.000	31/12/2013
Tổng cộng	70.000	

Kế hoạch tài trợ vốn

Để đáp ứng kinh phí đầu tư cho các dự án trọng điểm VHG sẽ xúc tiến đàm phán với các nhà tài trợ vốn, xây dựng các phương thức liên kết hoặc huy động vốn phù hợp để triển khai các dự án. Nếu việc thanh lý và chuyển nhượng các tài sản thành công thì sẽ giảm nguồn vốn vay và cân nhắc cơ cấu sử dụng vốn thích hợp.

Danh mục	Kinh phí (tr.đồng)
Tổng nhu cầu vốn	540.000
<i>Vốn lưu động</i>	<i>150.000</i>
<i>Nhu cầu đầu tư 2013</i>	<i>70.000</i>
<i>Tài sản đã đầu tư</i>	<i>320.000</i>
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	360.000
Chênh lệch	(180.000)
Các nguồn huy động dự kiến	210.000
<i>Vay vốn lưu động</i>	<i>50.000</i>
<i>Các khoản thanh lý và thu hồi công nợ dài hạn</i>	<i>20.000</i>
<i>Chuyển nhượng dự án</i>	<i>115.000</i>
<i>Huy động các nguồn dài hạn</i>	<i>25.000</i>
Chênh lệch sau khi thực hiện kế hoạch cân đối	30.000

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU KẾ HOẠCH 2013

Các căn cứ để đảm bảo thực hiện mục tiêu 2013

- Hoạt động thanh lý tài sản thiết bị, chuyển nhượng các dự án, tài sản đầu tư, quyết liệt thu hồi công nợ... giúp VHG cân đối lại nguồn vốn và điều chỉnh chiến lược đầu tư thích hợp. Giảm các chi phí tài chính phát sinh và áp lực nợ ngắn hạn.
- Thương hiệu của các sản phẩm đã có chỗ đứng trên thị trường, từng bước phát triển trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và xây dựng hệ thống bán hàng phù hợp sẽ nâng dần hiệu quả sản xuất trong toàn Công ty.
- Nhân sự tổ chức gọn nhẹ, tinh gọn và có lòng nhiệt huyết sẽ là chỗ dựa cho thực thi các kế hoạch trong năm.
- Bên cạnh việc gia tăng các biện pháp để kiểm soát và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, VHG xúc tiến tìm kiếm các nguồn vốn, sự hỗ trợ từ các tổ chức tín dụng và quỹ đầu tư để đảm bảo thực hiện các dự án cho mục tiêu 2013 và cho các năm tiếp theo

Các giải pháp cơ bản để thực hiện

- Tiếp tục hoàn thiện và hợp lý hoá công nghệ, dây chuyền thiết bị trong tổ hợp sản xuất của VHG để đảm bảo hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị điều hành, quản trị sản xuất đảm bảo kiểm soát việc thực thi mục tiêu đặt ra, tăng tính cạnh tranh cho từng dòng sản phẩm bằng việc duy trì nhất quán chính sách chất lượng và giá thành hợp lý
- Triển khai thận trọng các dự án bất động sản, tận dụng tối đa những thuận lợi của thị trường.

- Phát triển toàn diện VHG trong sự liên kết và hợp tác chặt chẽ với các đối tác có chọn lọc, phát huy thế mạnh của các công ty con, các công ty là đối tác chiến lược...
- Tiếp tục kiện toàn xây dựng cơ cấu tổ chức, hoàn thiện không ngừng quy trình quản lý chất lượng. Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm đến. Liên tục củng cố, xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp theo giá trị cốt lõi: đoàn kết - sáng tạo - trung thực - cùng thịnh vượng là chuẩn mực ứng xử thống nhất trong toàn VHG, tạo môi trường thân thiện hợp tác để thực sự phát huy năng lực cống hiến của từng cá nhân, đơn vị thành viên trong đại gia đình VHG.

Các giải pháp cụ thể

Để thực hiện thành công mục tiêu kế hoạch 2013, VHG tập trung vào các giải pháp cụ thể:

Giải pháp tài chính

Đứng trước tình hình huy động vốn dài hạn khó khăn cho dự án bất động sản và trồng cao su, lãi suất chưa giảm mạnh, VHG tập trung xây dựng tốt kế hoạch tài chính, giám sát chặt chẽ công tác thực hiện, quản lý dòng tiền một cách linh hoạt và hiệu quả. Tự cân đối tài chính trên cơ sở thu hồi vốn đã đầu tư thông qua việc bán và thanh lý các tài sản, tăng cường công tác thu hồi và kiểm soát công nợ.

Triệt để cắt giảm và tiết kiệm chi phí, trong đó tập trung chú trọng giảm tiêu hao nguyên vật liệu, tăng năng suất lao động... là yếu tố then chốt góp phần hạ giá thành sản phẩm.

Đối với công tác đầu tư, cần phải rà soát và quản lý chặt chẽ danh mục đầu tư, chú trọng và ưu tiên tập trung những hạng mục nhanh chóng tạo ra sản phẩm góp phần tăng trưởng doanh thu trong năm.

Nâng cao năng lực phân tích tài chính, cập nhật và phân tích thông tin kinh tế làm cơ sở cho các quyết định đầu tư ngắn và dài hạn, quyết định đầu tư hiệu quả, nhất là trong xác định giá đầu vào cho sản xuất và các lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

Thực hiện chương trình thanh lý tài sản và vật tư nhà máy cấp đông đã ngừng sản xuất để thu hồi vốn, giảm thiểu thua lỗ của hoạt động này ở mức độ cho phép theo tình hình thị trường. Tập trung giới thiệu và xúc tiến hoạt động chuyển nhượng các dự án bất động sản để cân đối lại nguồn đầu tư, giảm áp lực tài chính và chi phí tài chính.

Liên doanh, liên kết với các tổ chức có năng lực tài chính để thực thi các dự án đạt hiệu quả cao.

Giải pháp về tổ chức, quản lý

Duy trì những điều chỉnh lớn trong năm 2012 về quản trị Công ty và tiếp tục cải cách mạnh mẽ bộ máy quản lý ở các bộ phận theo quy chế quản trị mục tiêu của VHG. Theo đó, Công ty giao quyền tự chủ cho các Giám đốc nhà máy, dự án trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát bằng hệ thống các công cụ được thiết lập đồng bộ với quy chế quản trị, kết hợp quản lý mục tiêu với quản lý quá trình. Xây dựng cơ chế thưởng phạt nghiêm minh với các cấp quản lý.

Thực hiện cơ chế giao nguồn lực cho các nhà máy, bộ phận trong VHG. Xây dựng chương trình, lập dự toán ngân sách tài chính, nguyên vật liệu, lao động tiền lương, kế hoạch triển khai hoạt động và giám sát đánh giá kết quả... của từng bộ phận, từng đơn vị thành viên theo tiến độ từng quý, tháng.

Đẩy mạnh việc xây dựng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường giám sát hoạt động các mặt hoạt động của các nhà máy, bộ phận chức năng, kịp thời điều chỉnh và chấn chỉnh.

Tạo môi trường làm việc thuận lợi, hấp dẫn nhất tại VHG thông qua việc xây dựng văn hoá doanh nghiệp, bản sắc riêng Công ty, cơ chế đào tạo, thu nhập...

Nâng cấp hệ thống trao đổi và cung cấp thông tin nhằm nâng cao hiệu quả của thông tin trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của VHG bằng việc ứng dụng các phần mềm hiện đại, các giải pháp mới ERP...

Tiếp tục đẩy mạnh công tác R&D, đề ra những chương trình cải tiến thiết thực

Giải pháp về nguồn lực

Xây dựng đội ngũ kế cận cho các cấp quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực theo kịp quá trình phát triển của VHG.

Tìm kiếm các vị trí nhân sự cấp cao để bổ sung cho các Ban, các dự án

Đánh giá năng lực và tuyển dụng mới lao động cho bộ phận kinh doanh ở tất cả các nhà máy và dự án. Xem đây là lực lượng nòng cốt, then chốt trong công tác bán hàng và giải pháp về marketing của Công ty.

Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho toàn thể CBCNV trong tất cả các lĩnh vực

Giải pháp về thị trường

Tập trung đầu tư cho chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu VHG, phát triển hệ thống kênh phân phối sâu rộng cho từng nhóm sản phẩm có sự tương tác hỗ trợ lẫn nhau.

Nâng cao vai trò của marketing, PR trong việc đưa ra định hướng chiến lược cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại VHG. Trong năm triển khai chương trình quảng bá sản phẩm có trọng tâm. Xây dựng và định vị các thương hiệu mới cho các dòng sản phẩm của VHG.

Duy trì thường xuyên chính sách chăm sóc khách hàng truyền thống và không ngừng tìm kiếm phát triển thêm khách hàng mới, khách hàng tiềm năng...

Đầu tư hơn nữa việc thiết kế nhận dạng thương hiệu, công tác PR, công tác IR. Qua đó thay đổi và tạo dựng hình ảnh VHG với bộ mặt mới ngày càng có sức hút lớn hơn.

Xây dựng nhãn hiệu cho từng dòng sản phẩm, dịch vụ của VHG. Có kế hoạch quảng bá cho từng dự án cụ thể.

TM.BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Huỳnh Tấn Chung/Tổng giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Năm 2012 là một năm kinh tế Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Tỷ lệ lạm phát có kiểm hãm; thâm hụt cán cân thương mại chưa có xu hướng giảm; tuy nhiên tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm và thấp hơn so với cùng kỳ năm trước, sức mua hàng hóa giảm sút mạnh, lãi suất vẫn ở mức cao tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đến thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản... Trước bối cảnh này, Công ty đã hết sức nỗ lực và cố gắng mang lại nguồn thu nhưng không đem lại lợi nhuận như mong đợi.

Ban kiểm soát hoàn toàn thống nhất với số liệu đã được Công ty Kiểm Toán và Kế toán AAC kiểm toán, sau khi tiến hành kiểm tra tính xác thực của việc ghi chép các số liệu tài chính. Tóm lược một số chỉ tiêu chính như sau:

- Về doanh thu: thực hiện 170 tỷ đồng đạt mức 56,6% kế hoạch đặt ra; bằng 66,4% so với năm 2011;
- Về chi phí: thực hiện 206 tỷ đồng, trong đó chi phí chủ yếu là giá vốn hàng bán chiếm 77,66%, chi phí tài chính chiếm 7,76%.
- Về lợi nhuận: lỗ 36 tỷ đồng.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

Công tác quản trị và điều hành

Thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2012, Hội đồng quản trị đã có những quyết định:

- Định hướng những mục tiêu kinh doanh, những giải pháp tài chính phù hợp với tình hình của Công ty;
- Tái cấu trúc toàn diện phù hợp với chiến lược phát triển công ty trong những năm tới;
- Tối ưu hóa công tác quản trị nội bộ, sắp xếp hợp lý tổ chức và tinh giảm lao động trong toàn công ty.
- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông triển khai các dự án đầu tư như: dự án trồng và chế biến 4.115 ha cây cao su và mở rộng lên 13.300 ha, dự án D'evelyn tower, dự án khu nghỉ dưỡng biển cao cấp D'evelyn Beach - Non Nước Hội An với diện tích 5,3 ha.

Ban Giám đốc đã cố gắng trong việc duy trì và thực hiện các biện pháp cần thiết để triển khai có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Công tác quản trị, điều hành đã tuân thủ Điều lệ Công ty, những quy định của văn bản nội bộ và những quy định của pháp luật. Tuy nhiên cũng có những quyết định chưa hoàn toàn chính xác, kịp thời thích ứng với bất ổn ảnh hưởng từ suy thoái kinh tế đến sản xuất kinh doanh của công ty.

Công tác kiểm soát

Trong năm, Ban Kiểm soát đã thực thi nhiệm vụ được quy định, phân công kiểm soát, đánh giá từng hoạt động chuyên sâu. Các hoạt động của Ban Kiểm soát được tiến hành một cách chủ động theo qui định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể:

- Thẩm tra các báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm của Công ty, báo cáo kiểm toán và danh sách các bút toán điều chỉnh của kiểm toán.
- Thẩm tra kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội Cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo qui định của Pháp luật về thuế, kế toán và các chính sách hiện hành.
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư
- Giám sát về việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát và Kế toán trưởng công ty
- Tham gia một số các cuộc họp của Ban Giám đốc công ty bàn kế hoạch kinh doanh và báo cáo thực hiện.
- Tham gia một số cuộc họp của HĐQT

Ngoài ra trong cả năm 2012, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào để cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc tạo mọi điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ. Tuy nhiên, hoạt động của Ban Kiểm Soát còn giới hạn về chuyên môn mang tính chuyên nghiệp để đưa ra những đánh giá kịp thời và để thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của ban Kiểm soát do điều lệ qui định.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban KS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

	Ban lãnh đạo	Chức vụ	Thu nhập trong năm 2012	BQ thu nhập/tháng	Ghi chú
1	Đình Công Trạng	Chủ tịch HĐQT	391.790.690	32.649.224	Chuyên trách, Lương và khoản công tác phí
2	Huỳnh Tấn Chung	P.CT HĐQT, Tổng giám đốc	414.825.107	34.568.759	-nt -
3	Lê Kông Minh	Ủy viên HĐQT, P.GĐ PTDA	94.843.693	7.903.641	-nt -
4	Đình Thị Thúy Hạnh	Ủy viên HĐQT, Phụ trách TM	95.956.190	7.996.349	-nt -
5	Phạm Hữu Xuân	Ủy viên HĐQT	-	-	Ủy viên không kiêm nhiệm, chi thù lao
6	Nguyễn Đông	P.TGD, Giám đốc NM VPC	254.150.807	21.179.234	Lương và khoản công tác phí
7	Nguyễn Thị Thu Thảo	Kế toán trưởng	107.216.566	13.402.071	Nghỉ sinh 4 tháng
8	Ngô Hữu Phú	Giám đốc VTC	140.165.395	11.680.450	Lương và khoản công tác phí
9	Phan Ngọc Đồng	Giám đốc VCC	151.449.141	12.620.762	-nt -
10	Nguyễn Tiến Trung	Giám đốc PTDA Giám đốc VRC	246.512.492	20.542.708	-nt -
11	Quảng Bá Hải	Giám đốc QT Giám đốc VMC	236.273.365	19.689.447	-nt -
12	Doãn Văn Thụy	Trưởng BKS	-	-	Thù lao
13	Phạm Ngọc Hiệp	T.viên BKS	-	-	- nt-
14	Nguyễn Đình Quyết	T.viên BKS	-	-	-nt-

(Do kinh doanh thua lỗ nên VHG không trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát)

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Cổ đông nội bộ	Số lượng CP trước giao dịch	Số lượng CP mua	Số lượng CP bán	Số lượng CP đang nắm giữ
1	Ông Lê Kông Sơn (Cha Ông Lê Kông Minh, UV HĐQT)	4.100	1.029.100	-	1.033.200
2	Bà Lê Thị Kim Ánh (Em Ông Lê Kông Minh, UV HĐQT)	2.688.675	-	2.409.670	279.005
1	Bà Doãn Thị Mỹ Linh (vợ Ông Phạm Ngọc Hiệp, Ban KS)	0	6900	-	6.900

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trong năm kế hoạch 2013, Ban Kiểm Soát kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành như sau:

- Duy trì tính ổn định và gia tăng hiệu quả các nhà máy hiện có;
- Giải quyết hàng tồn kho có giá trị khá lớn làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh; tìm phương án thanh lý thu hồi vốn đối với TSCĐ giá trị như nhà máy cấp đồng, chuyển nhượng các danh mục đầu tư không hiệu quả nhằm cân đối lại nguồn vốn và có chiến lược đầu tư thích hợp, thận trọng triển khai các lĩnh vực đầu tư mới;
- Chú trọng đến công tác thu hồi công nợ, hiện tại dư nợ phải thu khá lớn tạo áp lực về nợ ngắn hạn và chi phí tài chính lớn.
- Tập trung phát triển dự án chiến lược, dài hạn là trồng cây cao su;
- Nâng cao tính hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong thực hiện các quy định, nội quy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Hoạch định và có chính sách để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường công tác dự báo để hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh;

TM.BAN KIỂM SOÁT

Doãn Văn Thụy/Trưởng Ban



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 26/03/2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 31. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Trọng Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Đinh Thị Ngọc Thùy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1463/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170.376.374.567	200.676.228.224
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.603.409.430	5.091.545.786
1. Tiền	111		4.378.879.926	656.911.889
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.224.529.504	4.434.633.897
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.889.842.000	3.732.320.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.239.888.522	11.690.906.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.350.046.522)	(7.958.586.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.823.790.468	118.271.111.450
1. Phải thu khách hàng	131		43.021.114.599	64.422.537.445
2. Trả trước cho người bán	132	7	9.900.666.428	13.903.744.421
3. Các khoản phải thu khác	135	8	40.244.905.310	41.195.183.484
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.342.895.869)	(1.250.353.900)
IV. Hàng tồn kho	140		68.752.312.482	67.489.926.095
1. Hàng tồn kho	141	9	70.048.345.041	68.842.526.182
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.296.032.559)	(1.352.600.087)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.307.020.187	6.091.324.893
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	300.512.098	363.005.156
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.190.729	273.323.633
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	4.978.317.360	5.454.996.104
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		328.587.765.470	333.214.935.655
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		202.219.206.010	206.237.286.365
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	90.963.147.117	106.868.782.634
- Nguyên giá	222		214.952.531.992	211.766.875.026
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123.989.384.875)	(104.898.092.392)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	35.067.761.576	35.740.527.875
- Nguyên giá	228		36.469.758.099	36.407.358.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.401.996.523)	(666.830.224)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	76.188.297.317	63.627.975.856
III. Bất động sản đầu tư	240	15	119.644.162.842	120.057.242.838
- Nguyên giá	241		120.298.517.184	120.298.517.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(654.354.342)	(241.274.346)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.724.396.618	6.920.406.452
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	4.624.396.618	4.820.406.452
2. Tài sản dài hạn khác	268	17	2.100.000.000	2.100.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		498.964.140.037	533.891.163.879

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		140.102.263.677	138.872.039.603
I. Nợ ngắn hạn	310		133.102.263.677	138.872.039.603
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	108.261.998.599	114.148.839.081
2. Phải trả người bán	312		14.093.430.909	16.304.293.402
3. Người mua trả tiền trước	313		4.025.333.071	668.962.926
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	969.575.657	937.231.671
5. Phải trả người lao động	315		1.925.836.279	1.376.793.232
6. Chi phí phải trả	316	20	421.522.251	1.031.276.426
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	3.305.521.245	3.545.773.999
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		99.045.666	858.868.866
II. Nợ dài hạn	330		7.000.000.000	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	22	7.000.000.000	-
1. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		358.861.876.360	395.019.124.276
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	358.861.876.360	395.019.124.276
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	250.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	175.000.000.000	175.000.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	23	-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23	(66.138.123.640)	(29.980.875.724)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		498.964.140.037	533.891.163.879

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ (USD)	940,01	16.836,50

Tổng Giám đốc**Huỳnh Tấn Chung**

Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng**Nguyễn Thị Thu Thảo****Người lập biểu****Bùi Phan Mỹ Hạnh**

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	24	168.617.548.667	249.199.894.131
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	330.978.189	1.446.068.316
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	24	168.286.570.478	247.753.825.815
4. Giá vốn hàng bán	11	25	160.125.231.708	223.392.199.370
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		8.161.338.770	24.361.626.445
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.548.753.417	4.936.536.099
7. Chi phí tài chính	22	27	16.046.483.610	21.637.572.916
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>16.697.068.553</i>	<i>14.766.579.001</i>
8. Chi phí bán hàng	24		10.976.692.430	19.321.540.811
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.896.995.723	17.086.717.095
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(34.210.079.576)	(28.747.668.278)
11. Thu nhập khác	31	28	314.494.099	5.323.740.630
12. Chi phí khác	32	29	2.187.048.495	7.170.337.127
13. Lợi nhuận khác	40		(1.872.554.396)	(1.846.596.497)
14. Lãi hoặc lỗ trong Cty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30	(36.082.633.972)	(30.594.264.775)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	74.613.944	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	30	(36.157.247.916)	(30.594.264.775)
18.1 Lợi nhuận ST của cổ đông thiểu số	61	30	-	-
18.2 Lợi nhuận ST của cổ đông công ty mẹ	62	30	(36.157.247.916)	(30.594.264.775)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	(1.446)	(1.224)

Tổng Giám đốc**Huyền Tấn Chung**

Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng**Nguyễn Thị Thu Thảo****Người lập biểu****Bùi Phan Mỹ Hạnh**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	212.695.972.933	282.297.518.423
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(154.254.115.902)	(211.290.347.091)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.176.037.552)	(22.970.716.644)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(17.594.698.701)	(13.735.302.575)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(74.613.944)	(1.808.271.271)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.905.061.945	34.387.361.500
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(19.525.588.344)	(40.407.075.611)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.975.980.435	26.473.166.731
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(5.345.183.520)	(75.556.567.921)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	209.090.909	4.712.345.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.320.782.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	420.110.000	599.890.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	762.047.337	818.896.206
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.274.717.274)	(69.425.436.715)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	133.542.123.734	172.298.234.298
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(132.557.748.022)	(109.623.605.736)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(173.748.900)	(22.242.663.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	810.626.812	40.431.965.562
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.511.889.973	(2.520.304.422)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.091.545.786	7.610.288.413
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	(26.329)	1.561.795
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.603.409.430	5.091.545.786

Tổng Giám đốc**Huyền Tấn Chung**

Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng**Nguyễn Thị Thu Thảo****Người lập biểu****Bùi Phan Mỹ Hạnh**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 5 năm 2011 với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 4000386181). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất dây cáp các loại, cáp sợi quang học;
- Hoạt động viễn thông có dây và không dây;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...));
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm);
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Khai thác quặng đồng;
- Mua bán các thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại, thiết bị điện lạnh và cơ điện;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ, khai thác gỗ;
- Khai thác quặng sắt, quặng kim loại, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất các sản phẩm chịu lửa, vật liệu xây dựng từ đất sét, sản phẩm gốm sứ;
- Sản xuất vôi, thạch cao, xi măng, bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa, mua bán giấy các loại;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 bao gồm Công ty mẹ và một Công ty con.

Công ty con được hợp nhất: Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu B, Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Hoạt động chính: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty mẹ cam kết góp 65% vốn điều lệ.
- Đến thời điểm 31/12/2012, vốn thực góp của Công ty mẹ vào Công ty con là 65.000.000.000 đồng, thành viên còn lại chưa góp vốn.
- Tình trạng hoạt động: chưa hoạt động.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác mà Công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết, đầu tư trái phiếu, cho vay vốn và các khoản đầu tư dài hạn khác mà thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư dài hạn được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức kinh tế này bị lỗ tại ngày kết thúc niên độ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 7

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đi thuê đất).

Nguyên giá là Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 - 70

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.10 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

4.15 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- **Thuế Giá trị gia tăng:** Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán cáp quang, cáp điện, ống nhựa, sản phẩm FRP, vật liệu xây dựng. Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - **Tại Công ty mẹ**
 - ✓ Đối với dự án đầu tư sản xuất thành phẩm cáp: Công ty áp dụng thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong thời hạn 8 năm kể từ năm 2007 (năm 2007 đến năm 2014), được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 3 năm kể từ khi có Thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2005 là năm đầu tiên Công ty có Thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm 2005, 2006, 2007 và giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2008 đến năm 2014).
 - ✓ Đối với các Dự án đầu tư mở rộng: Được miễn thuế 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại. Thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành bắt đầu đưa vào sản xuất, kinh doanh.
 - ✓ Đối với hoạt động bán hàng hóa thương mại và cho thuê Bất động sản đầu tư: Công ty áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.
 - **Tại Công ty con:** Áp dụng mức thuế suất 25%.
- **Tiền thuê đất (tại Công ty mẹ):**
 - + Hợp đồng thuê lại đất số 33/HĐTLĐ ngày 28/08/2003 đã ký giữa Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp QNĐN và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, Công ty thuê tổng cộng 20.000 m² đất tại Lô số 4, Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam với giá tiền thuê đất là 0,6 USD/m²/năm. Công ty được miễn tiền thuê đất đến hết ngày 31/12/2007, thời gian còn lại 38 năm Công ty trả tiền thuê đất 6 năm một lần vào tháng đầu tiên của mỗi lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

+ Hợp đồng thuê đất số 92/HĐTLĐ ngày 01/7/2007 và số 288/HĐTLĐ ngày 30/11/2007 đã ký giữa Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp QNĐN và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, Công ty thuê tổng cộng 43.800m² đất với thời hạn thuê 39 năm, giá thuê 0,6USD/m²/năm. Tiền thuê đất trả 6 năm một lần.

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, đầu tư tài chính, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	1.100.331.928	86.267.748
Tiền gửi ngân hàng	3.278.547.998	570.644.141
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	2.224.529.504	4.434.633.897
Cộng	6.603.409.430	5.091.545.786

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư ngắn hạn	5.239.888.522	11.690.906.000
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (*)	3.639.106.522	10.990.796.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	1.320.782.000	-
- Cho vay ngắn hạn	280.000.000	700.110.000
+ Công ty Đầu tư Viễn thông Tin học Bưu điện	280.000.000	300.000.000
+ Đình Văn Chính	-	400.110.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.350.046.522)	(7.958.586.000)
Cộng	2.889.842.000	3.732.320.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

(*) Là các cổ phiếu đã niêm yết, giá trị sổ sách và việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được thể hiện như bảng sau:

Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá trị sổ sách	ĐG sổ sách	Thị giá	CP dự phòng
	CP	VND	VND/CP	VND/CP	VND
OGC	60.000	1.985.000.000	33.083	10.000	1.385.000.000
PET	48.000	1.273.950.000	26.541	12.500	673.950.000
VMG (@)	20.000	350.000.000	17.500	4.300	264.000.000
VPH	680	30.156.522	44.348	4.500	27.096.522
Cộng		3.639.106.522			2.350.046.522

(@) Cổ phiếu VMG của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu bị hủy niêm yết từ ngày 27/7/2012. Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty này, dự phòng được lập căn cứ vào giá giao dịch của cổ phiếu vào thời điểm hủy niêm yết.

7. Trả trước cho người bán

Trong tổng nợ trả trước cho người bán có các khoản nợ sau:

- **Chuyển cho Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội**, số tiền: 3.000.000.000 đồng để chuẩn bị đầu tư dự án "Phá dỡ, xây dựng lại nhà G khu tập thể Thành Công" theo Biên bản thỏa thuận số 01/HAS-VHG về hợp tác đầu tư ngày 10/03/2008. Theo biên bản thỏa thuận, tiến độ dự án là đến tháng 6 năm 2011 sẽ kết thúc đầu tư công trình đưa vào khai thác sử dụng. Tuy nhiên, cho đến nay dự án vẫn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- **Chuyển cho Công ty Cổ phần Tư vấn Handic**, số tiền: 4.500.000.000 đồng để thực hiện "Dự án đầu tư phá dỡ, xây dựng mới các nhà chung cư cũ khu B, khu tập thể Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội" theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2007/HĐHTĐT-HD-VH ngày 20/11/2007. Theo hợp đồng, tiến độ dự án là đến quý 4/2010 sẽ kết thúc đầu tư, đưa công trình vào khai thác sử dụng. Đến nay dự án đã không đạt được tiến độ đề ra ban đầu.

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đình Công Trạng (i)	16.423.433.520	16.966.241.988
Võ Phạm Thị Thương (ii)	23.100.000.000	23.000.000.000
Công ty CP Điện tử - Viễn thông - Tin học Bưu điện	385.618.333	385.618.333
Đình Văn Chính (Tiền lãi cho vay)	13.631.713	99.399.063
Lãi dự thu	116.642.926	-
Phải thu khác	205.578.818	743.924.100
Cộng	40.244.905.310	41.195.183.484

(i) là khoản nợ phải thu ông Đình Công Trạng (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty). Đây là khoản nợ mà ông Trạng cam kết chịu trách nhiệm cá nhân đối với tổn thất liên quan đến việc kinh doanh thép phế liệu với đối tác nước ngoài theo Giấy xác nhận nợ, cam kết trách nhiệm số 3006/BB ngày 30/06/2011. Theo Quyết định gia hạn nợ số 05 ngày 01/07/2012 thì thời hạn thanh toán khoản công nợ này là 31/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

(ii) Công ty TNHH Quê Việt là doanh nghiệp do Công ty Dịch vụ và Đầu tư Quê Việt – Canada (Quê Việt – Canada) sở hữu 100% vốn điều lệ, được UBND Tỉnh Quảng Nam cấp phép đầu tư Dự án bất động sản – du lịch (Villa, căn hộ và khách sạn) tại Xã Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam. Theo Biên bản ghi nhớ ngày 08/09/2010, hai bên sẽ thành lập Công ty con là Công ty TNHH Quê Việt Quảng Nam (90% vốn của Công ty và 10% vốn của Quê Việt - Canada) để tiếp quản dự án nêu trên từ Công ty TNHH Quê Việt và Công ty có trách nhiệm thanh toán cho Quê Việt - Canada số tiền 2.500.000 USD. Cho đến thời điểm 31/12/2012, Công ty đã thanh toán cho Bà Võ Phạm Thị Thương (Chủ sở hữu Quê Việt – Canada) 23.100.000.000 đồng.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.921.837.604	20.013.014.700
Công cụ, dụng cụ	754.739.836	584.589.490
Chi phí SX, KD dở dang	16.954.141.679	15.963.257.712
Thành phẩm	33.278.067.642	28.092.150.026
Hàng hóa	1.139.558.280	2.594.765.765
Hàng gửi đi bán	-	1.594.748.489
Cộng	<u>70.048.345.041</u>	<u>68.842.526.182</u>

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phí bảo hiểm, tiền thuê nhà, chi phí quảng cáo,...	300.512.098	363.005.156
Cộng	<u>300.512.098</u>	<u>363.005.156</u>

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	3.881.165.856	3.666.036.901
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.097.151.504	1.788.959.203
Cộng	<u>4.978.317.360</u>	<u>5.454.996.104</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	53.371.210.111	142.279.575.507	5.785.621.554	1.687.121.278	8.643.346.576	211.766.875.026
Mua sắm trong năm	-	2.920.153.065	-	62.866.363	50.724.470	3.033.743.898
Đ/tư XD/CB h/thành	682.010.687	-	-	-	-	682.010.687
T/lý, nhượng bán	-	-	530.097.619	-	-	530.097.619
Số cuối năm	54.053.220.798	145.199.728.572	5.255.523.935	1.749.987.641	8.694.071.046	214.952.531.992
Khấu hao						
Số đầu năm	22.268.368.395	70.026.426.977	4.367.674.178	1.414.304.710	6.821.318.132	104.898.092.392
Khấu hao trong năm	5.061.695.691	12.331.099.879	643.329.904	136.246.001	1.249.671.511	19.422.042.986
Thanh lý, nhượng bán	-	-	330.750.503	-	-	330.750.503
Số cuối năm	27.330.064.086	82.357.526.856	4.680.253.579	1.550.550.711	8.070.989.643	123.989.384.875
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	31.102.841.716	72.253.148.530	1.417.947.376	272.816.568	1.822.028.444	106.868.782.634
Số cuối năm	26.723.156.712	62.842.201.716	575.270.356	199.436.930	623.081.403	90.963.147.117

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2012: 10.067.827.698 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ cầm cố, thế chấp tại thời điểm 31/12/2012: 71.556.103.894 đồng.

Nguyên giá TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý tại ngày 31/12/2012 là 65.007.570.737 đồng (Giá trị còn lại: 16.835.931.091 đồng)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	35.891.859.000	515.499.099	36.407.358.099
Tăng trong năm	-	62.400.000	62.400.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	35.891.859.000	577.899.099	36.469.758.099
Khấu hao			
Số đầu năm	156.303.257	510.526.967	666.830.224
Khấu hao trong năm	717.837.180	17.329.119	735.166.299
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	874.140.437	527.856.086	1.401.996.523
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	35.735.555.743	4.972.132	35.740.527.875
Số cuối năm	35.017.718.563	50.043.013	35.067.761.576

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2012: 515.499.099 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Máy dùn nhựa	-	867.363.154
Bất động sản đầu tư (KCN An Lưu)	8.910.019.214	8.777.010.855
Dự án trồng cao su	50.932.280.379	43.812.185.451
Dự án cao ốc D'Evelyn (Lotus Plaza)	13.465.170.780	8.098.573.959
Dự án khoáng sản	1.648.303.424	1.538.156.097
Dự án tái chế nhựa	86.358.000	86.358.000
Khu du lịch nghỉ dưỡng	874.140.437	156.303.257
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	272.025.083	292.025.083
Cộng	<u>76.188.297.317</u>	<u>63.627.975.856</u>

15. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà đặt trạm thiết bị BTS VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	120.147.187.676	151.329.508	120.298.517.184
Tăng trong năm		-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	<u>120.147.187.676</u>	<u>151.329.508</u>	<u>120.298.517.184</u>
Khấu hao			
Số đầu năm	89.944.838	151.329.508	241.274.346
Khấu hao trong năm	413.079.996		413.079.996
Giảm trong năm		-	-
Số cuối năm	<u>503.024.834</u>	<u>151.329.508</u>	<u>654.354.342</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	120.057.242.838	-	120.057.242.838
Số cuối năm	<u>119.644.162.842</u>	<u>-</u>	<u>119.644.162.842</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***16. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền thuê đất tại KCN trả trước nhiều năm	219.605.040	439.210.080
Chi phí phân bổ dài hạn của VPC	-	316.981.174
Chi phí phân bổ dài hạn của xưởng FRP	14.176.636	35.941.589
Chi phí phân bổ dài hạn của VMC	3.192.018.642	3.954.198.043
Chi phí phân bổ dài hạn của xưởng nhựa	447.621.641	65.205.482
Chi phí phân bổ dài hạn của VPDN	750.974.659	8.870.084
Cộng	<u>4.624.396.618</u>	<u>4.820.406.452</u>

17. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	2.100.000.000	2.100.000.000
Cộng	<u>2.100.000.000</u>	<u>2.100.000.000</u>

18. Vay và nợ ngắn hạn

	USD	31/12/2012 VND	USD	31/12/2011 VND
NH ĐT&PT Quảng Nam		87.668.454.669		85.840.556.460
+ VND		80.428.314.957		71.631.922.510
+ USD	348.083,64 #	7.240.139.712	682.189,07 #	14.208.633.950
NH TMCP Đông Á Quảng Nam		20.593.543.930		18.858.282.621
+ VND		19.615.486.330		13.316.705.795
+ USD	47.022,00 #	978.057.600	266.063,80 #	5.541.576.826
Vay cá nhân				9.450.000.000
Cộng		<u>108.261.998.599</u>		<u>114.148.839.081</u>

Vay ngắn hạn ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Nam theo các hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 24/07/2012. Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Á Quảng Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số H0245/NT ngày 26/04/2011 (hợp đồng nguyên tắc) với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	827.457.971	817.761.034
Thuế xuất, nhập khẩu	-	48.402.947
Thuế thu nhập cá nhân	137.069.886	71.067.690
Thuế tài nguyên	3.535.260	-
Các loại thuế khác	1.512.540	-
Cộng	<u>969.575.657</u>	<u>937.231.671</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi vay phải trả	133.646.278	1.031.276.426
Chi phí phải trả khác	287.875.973	-
Cộng	<u>421.522.251</u>	<u>1.031.276.426</u>

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	157.297.307	203.050.832
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	292.790.120	876.937.295
Bảo hiểm thất nghiệp	-	94.814.626
Cty CP PT đô thị và KCN Quảng Nam - Đà Nẵng	2.193.364.802	1.680.996.002
Thù lao ban kiểm soát	-	98.000.000
Cổ tức phải trả	83.588.100	257.337.000
Phải trả khác	578.480.916	334.638.244
Cộng	<u>3.305.521.245</u>	<u>3.545.773.999</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***22. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn (Nguyễn Thị Lan)	7.000.000.000	-
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	7.000.000.000	-

Vay dài hạn của Nguyễn Thị Lan theo hợp đồng vay vốn số 01/12/VHG-NTL ngày 01/03/2012. Số tiền vay: 7 tỷ, thời hạn vay: 24 tháng, mục đích vay: tái tài trợ tiền đền bù giải phóng mặt bằng dự án cao su, lãi suất vay: 17%/năm, trả nợ 1 lần khi đến hạn.

23. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	LNST chưa phân phối VND
Sđr tại 01/01/2011	250.000.000.000	175.000.000.000	2.571.112.321	25.813.389.051
Tăng trong năm	-	-		(30.594.264.775)
Giảm trong năm	-	-	2.571.112.321	25.200.000.000
Sđr tại 31/12/2011	250.000.000.000	175.000.000.000	-	(29.980.875.724)
Sđr tại 01/01/2012	250.000.000.000	175.000.000.000	-	(29.980.875.724)
Tăng trong năm	-	-	49.622.854	(36.157.247.916)
Giảm trong năm	-	-	49.622.854	
Sđr tại 31/12/2012	250.000.000.000	175.000.000.000	-	(66.138.123.640)

b. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu thường	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu thường	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(29.980.875.724)	25.813.389.051
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	(36.157.247.916)	(30.594.264.775)
Phân phối lợi nhuận	-	25.200.000.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	25.200.000.000
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	200.000.000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.500.000.000
- Chia cổ tức	-	22.500.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(66.138.123.640)	(29.980.875.724)

24. Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.617.548.667	249.199.894.131
+ Doanh thu bán thành phẩm	144.900.012.691	214.398.284.588
+ Doanh thu bán hàng hóa	23.717.535.976	34.710.700.443
+ Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	-	90.909.100
Các khoản giảm trừ doanh thu	330.978.189	1.446.068.316
+ Hàng bán bị trả lại	330.978.189	1.446.068.316
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.286.570.478	247.753.825.815

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	137.851.953.212	187.515.586.924
Giá vốn của hàng hóa đã bán	22.329.846.024	34.478.954.799
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(56.567.528)	1.352.600.087
Giá vốn của hoạt động cho thuê bất động sản và khác	-	45.057.560
Cộng	160.125.231.708	223.392.199.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	676.412.913	480.738.991
Cổ tức, lợi nhuận được chia	116.510.000	199.478.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67.120	45.823.852
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	23.596.163
Chiết khấu thanh toán	755.005.131	594.888.944
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	758.253	3.592.009.649
Cộng	<u>1.548.753.417</u>	<u>4.936.536.099</u>

27. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	16.697.068.553	14.766.579.001
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	4.448.201.669	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	499.809.322	2.948.215.494
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(5.608.539.478)	3.907.457.600
Chi phí tài chính khác	9.943.544	15.320.821
Cộng	<u>16.046.483.610</u>	<u>21.637.572.916</u>

28. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thanh lý, nhượng bán các tài sản dài hạn	209.090.909	4.722.350.000
Thu bán phế phẩm, phế liệu	105.403.190	601.390.630
Cộng	<u>314.494.099</u>	<u>5.323.740.630</u>

29. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí bồi thường, bị phạt	1.285.170.498	145.654.439
Chi phí thanh lý các tài sản dài hạn	199.347.116	6.114.283.069
Chi phí thanh lý vật tư, bán phế liệu	193.763.167	414.441.392
Chi phí khác	508.767.714	495.958.227
Cộng	<u>2.187.048.495</u>	<u>7.170.337.127</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(36.082.633.972)	(30.594.264.775)
- Hoạt động SXKD, bán hàng hoá và cho thuê BĐS	(36.007.710.200)	(30.570.275.397)
+ <i>Hoạt động sản xuất kinh doanh (thành phẩm)</i>	(31.255.534.544)	(23.425.422.833)
+ <i>Hoạt động bán hàng hoá và cho thuê bất động sản</i>	(4.752.175.656)	(7.144.852.564)
- Hoạt động kinh doanh của công ty con	(74.923.772)	(23.989.387)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	6.842.043.008	2.903.749.460
- Điều chỉnh tăng	6.959.311.261	6.775.146.546
+ <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	167.430.067	949.752.630
+ <i>CP khấu hao Nhà máy cấp đồng ngừng sản xuất</i>	5.506.710.696	5.747.679.679
+ <i>Chi nộp phạt thuế, phạt vi phạm hành chính</i>	1.285.170.498	77.714.237
- Điều chỉnh giảm	117.268.253	3.871.397.086
+ <i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	758.253	3.671.918.586
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	116.510.000	199.478.500
Tổng thu nhập chịu thuế	(29.240.590.964)	(27.690.515.315)
- Hoạt động SXKD, bán hàng hoá và cho thuê BĐS	(29.166.547.192)	(27.666.525.937)
+ <i>Hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	(24.414.371.536)	(20.521.673.373)
+ <i>Hoạt động bán hàng hoá và cho thuê bất động sản</i>	(4.752.175.656)	(7.144.852.564)
- Hoạt động kinh doanh của công ty con	(74.043.772)	(23.989.387)
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	74.613.944	-
- <i>Chi phí thuế TNN hiện hành năm nay</i>	-	-
- <i>Chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước truy thu theo Biên bản thanh tra thuế</i>	74.613.944	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(36.157.247.916)	(30.594.264.775)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	(36.157.247.916)	(30.594.264.775)

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(36.157.247.916)	(30.594.264.775)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	(36.157.247.916)	(30.594.264.775)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.446)	(1.224)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	109.618.039.333	136.690.257.302
Chi phí nhân công	20.336.073.019	24.560.895.828
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.744.353.221	19.661.261.414
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.662.028.968	21.640.395.641
Chi phí khác bằng tiền	4.911.525.110	7.734.849.383
Cộng	<u><u>173.272.019.651</u></u>	<u><u>210.287.659.568</u></u>

33. Công cụ tài chính**a) Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua hàng, bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	940,01	16.836,50
Phải thu khách hàng	53.607,69	
Phải thu khác	789.588,15	814.588,15
Tài sản tài chính khác	7.815,52	40.704,72
Cộng	851.951,37	872.129,37
Nợ phải trả tài chính		
Nợ phải trả người bán	54.248,86	82.252,80
Nợ vay	395.105,64	948.252,87
	449.354,50	1.030.505,67

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để quản lý rủi ro, Công ty lên dự toán nhập mua nguyên vật liệu, theo dõi biến động thị trường để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu với giá cả hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh là các khoản phải thu người mua. Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá, phân loại công nợ, xếp hạng công nợ, khởi kiện dân sự.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	108.261.998.599	7.000.000.000	115.261.998.599
Phải trả người bán	14.093.430.909	-	14.093.430.909
Chi phí phải trả	421.522.251	-	421.522.251
Phải trả khác	2.855.433.818	-	2.855.433.818
Cộng	125.632.385.577	7.000.000.000	132.632.385.577
31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	114.148.839.081	-	114.148.839.081
Phải trả người bán	16.304.293.402	-	16.304.293.402
Chi phí phải trả	1.031.276.426	-	1.031.276.426
Phải trả khác	2.370.971.246	-	2.370.971.246
Cộng	133.855.380.155	-	133.855.380.155

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản của Công ty tuy ở mức cao nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.603.409.430	-	6.603.409.430
Phải thu khách hàng	40.110.267.462	-	40.110.267.462
Đầu tư tài chính	2.889.842.000	-	2.889.842.000
Phải thu khác	16.759.286.977	-	16.759.286.977
Tài sản tài chính khác	1.097.151.504	2.100.000.000	3.197.151.504
Cộng	67.459.957.373	2.100.000.000	69.559.957.373
31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.091.545.786	-	5.091.545.786
Phải thu khách hàng	63.172.183.545	-	63.172.183.545
Đầu tư tài chính	3.732.320.000	-	3.732.320.000
Phải thu khác	18.195.183.484	-	18.195.183.484
Tài sản tài chính khác	1.788.959.203	2.100.000.000	3.888.959.203
Cộng	91.980.192.018	2.100.000.000	94.080.192.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***34. Báo cáo bộ phận****Năm 2012**

Hoạt động	Văn phòng Công ty	Nhà máy Cáp viễn thông	Nhà máy Cáp điện	Nhà máy Nhựa	Nhà máy FRP	Nhà máy Công nghệ vật liệu	Cộng
Doanh thu	1.797.456.400	55.404.066.647	30.502.467.292	51.619.749.423	8.127.520.308	21.166.288.597	168.617.548.667
Các khoản giảm trừ doanh thu		13.095.950	47.612.571	200.724.213		69.545.455	330.978.189
Giá vốn	1.594.748.489	57.429.347.442	29.467.260.664	43.335.129.328	7.667.208.146	20.631.537.639	160.125.231.708
Tài sản cố định hữu hình	1.798.658.248	29.756.452.244	11.343.426.336	10.810.181.179	9.979.403.222	27.275.025.888	90.963.147.117
- Nguyên giá	5.798.539.080	102.479.241.250	24.570.718.237	22.779.907.348	15.281.899.257	44.042.226.820	214.952.531.992
- Hao mòn	3.999.880.832	72.722.789.006	13.227.291.901	11.969.726.169	5.302.496.035	16.767.200.932	123.989.384.875
Nợ phải thu	17.817.199.080	16.222.086.649	9.921.290.607	4.187.512.716	1.497.534.426	3.276.157.549	52.921.781.027
Nợ phải trả	1.561.852.315	4.687.967.076	2.696.430.248	4.913.687.255	795.627.528	3.463.199.558	18.118.763.980

Năm 2011

Hoạt động	Văn phòng Công ty	Nhà máy Cáp viễn thông	Nhà máy Cáp điện	Nhà máy Nhựa	Nhà máy FRP	Nhà máy Công nghệ vật liệu	Cộng
Doanh thu	90.909.100	79.478.364.213	88.980.072.537	36.574.845.512	17.489.183.179	26.586.519.590	249.199.894.131
Các khoản giảm trừ doanh thu		26.690.000	669.261.338	248.748.614		501.368.364	1.446.068.316
Giá vốn	45.057.560	78.064.635.176	77.226.340.630	32.071.013.151	13.515.559.046	22.469.593.807	223.392.199.370
Tài sản cố định hữu hình	1.634.512.581	37.571.117.471	13.563.140.065	12.362.023.917	11.899.567.072	29.838.421.528	106.868.782.634
- Nguyên giá	5.341.677.832	102.463.241.250	24.501.421.317	22.100.914.194	15.281.899.257	42.077.721.176	211.766.875.026
- Hao mòn	3.707.165.251	64.892.123.779	10.938.281.252	9.738.890.277	3.382.332.185	12.239.299.648	104.898.092.392
Nợ phải thu	23.847.269.061	27.194.688.150	13.028.398.183	7.914.589.144	4.335.819.391	2.005.517.937	78.326.281.866
Nợ phải trả	1.189.623.827	3.931.450.359	3.185.577.868	5.790.881.032	1.211.210.502	1.664.512.740	16.973.256.328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***35. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan****a. Nghiệp vụ với các bên liên quan**

	Nghiệp vụ phát sinh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Đình Công Trạng	- Phải thu bù tổn thất	-	16.966.241.988
	- Đã thu nợ	542.808.468	-
Võ Thị Phạm Thương	Chi để tiếp quản dự án	100.000.000	23.000.000.000

b. Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu khác			
Đình Công Trạng	Chủ tịch HĐQT	16.423.433.520	16.966.241.988
Võ Thị Phạm Thương	CSH Công ty Quê Việt-Canada	23.100.000.000	23.000.000.000

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

37. Số liệu so sánh

Là số số liệu so sánh trong Bảng báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc**Huyền Tấn Chung***Quảng Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2013***Kế toán trưởng****Nguyễn Thị Thu Thảo****Người lập biểu****Bùi Phan Mỹ Hạnh**

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT VHG luôn thực hiện đúng nguyên tắc hoạt động đã đề ra là luôn: Cùng với Ban Điều hành hành động vì quyền lợi tối cao của các Cổ đông; Chịu trách nhiệm cao nhất trước các Cổ đông trong việc lãnh đạo, kiểm tra giám sát và điều hành hoạt động của Công ty; Tôn trọng lợi ích của những người có liên quan đến Công ty thông qua việc tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và các quy tắc đạo đức kinh doanh.

HĐQT có 5 thành viên và có cơ cấu phù hợp cho việc thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 3 trong số 5 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành và thành viên độc lập (không điều hành và không phải là Cổ đông lớn hoặc người có liên quan của Cổ đông lớn). Tất cả thành viên HĐQT là những người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị Công ty, quản trị tài chính, nghiên cứu chính sách, tư vấn pháp luật. Các thành viên đã đóng góp có kết quả cho việc hoạch định chính sách, phương hướng hoạt động của Công ty trong giai đoạn thị trường có nhiều khó khăn và cạnh tranh gay gắt. Một trong những quyết liệt của của HĐQT trong các năm qua và năm 2012 là xác định chiến lược hoạt động an toàn và kiên trì định hướng chiến lược phát triển trung hạn, không chạy theo việc cạnh tranh thị phần bằng mọi giá và bất chấp rủi ro. HĐQT đã định hướng luôn chỉ đạo hoàn thiện và cải tiến công tác quản trị và kiểm soát nội bộ, tôn trọng quyền điều hành của TGD.

Thay đổi nhân sự HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016: tại đại hội cổ đông thường niên 2012 ngày 28/04/2012 đã bầu và bổ nhiệm các thành viên HĐQT:

Ông Đinh Công Trạng	– Chủ tịch HĐQT	- Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2012
Ông Huỳnh Tấn Chung	– Phó Chủ tịch HĐQT	- Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2012
Ông Lê Kông Minh	– Ủy viên	- Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2012
Ông Trần Đình Chinh	– Ủy viên	- Bổ nhiệm lại ngày 29/03/2008 - Miễn nhiệm ngày 28/04/2012
Ông Phạm Hữu Xuân	– Ủy viên	- Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2012
Bà Đinh Thị Thúy Hạnh	– Ủy viên	- Bổ nhiệm ngày 28/04/2012

Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị trong năm 2012

Nghị quyết số 01.12 ngày 30/01/2012 Phê duyệt kết quả kinh doanh 2011, kế hoạch triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2012

Nghị quyết số 02.12 ngày 26/02/2012 Phê duyệt định hướng các nhóm ngành kinh doanh của Công ty trong bối cảnh và tình hình khó khăn của nền kinh tế

Nghị quyết số 03.12 ngày 31/03/2012 Phê duyệt Báo cáo thường niên và các định hướng quan trọng. Thống nhất danh sách nhân sự giới thiệu bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2012-2016

Nghị quyết số 04.12 ngày 26/04/2012 Phan công công tác tổ chức ĐHCĐ lần 2, phê duyệt triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh toàn Công ty

Nghị quyết số 05.12 ngày 26/06/2012 Phê duyệt kế quả kinh doanh 6 tháng đầu năm; triển khai nhiệm vụ kinh doanh 6 tháng cuối năm

Nghị quyết số 06.12 ngày 20/07/2012 Phê duyệt kế hoạch phát triển cao su tổng thể cho giai đoạn 2013-2018

Nghị quyết số 07.12 ngày 25/08/2012 Phê duyệt định hướng quy hoạch dự án D'elyvn beach cho Công ty con Quê Việt-Quảng Nam

Nghị quyết số 08.12 ngày 20/09/2012 Đánh giá và xem xét phương án xử lý các dự án hợp tác với Handic

Nghị quyết số 09.12 ngày 26/02/2012 Rà soát và sắp xếp mô hình quản trị Công ty

Nghị quyết số 10.12 ngày 25/12/2012 Đánh giá công tác sản xuất kinh doanh năm 2012 và

định hướng năm 2013

HĐQT đã họp định kỳ và đột xuất để thảo luận tình hình thị trường, định hướng hoạt động cho Ban Tổng Giám đốc. Trong năm, HĐQT giám sát hoạt động đối với Ban Tổng Giám đốc; Tăng cường kiểm soát rủi ro và tuân thủ; Thực hành tiết kiệm; chống lãng phí; Sắp xếp tổ chức và tinh giản biên chế của các bộ phận cho phù hợp với tình hình hiện tại và định hướng phát triển trong thời gian tới, bảo đảm quyền lợi cho người lao động đúng quy định của pháp luật; Thống nhất các mức giá thanh lý tài sản để giao TGD thực hiện; Thống nhất ưu tiên nguồn vốn để phục vụ sản xuất và đầu tư dự án trồng cao su;

Tuy nhiên, tình hình kinh tế biến động, thị trường sụt giảm, các dự án đầu tư dài hạn chưa đến thời kỳ thu hoạch nên kết quả hoạt động trong năm 2012, HĐQT đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ và nhận trách nhiệm với Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT VIỆT HÀN

Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam

Điện thoại: 0510 3947 234 - Fax: 0510 3946 333

Website: vhg.com.vn - Email: trade@vhg.com.vn

